

THÔNG TƯ 32 – MỸ THUẬT - RÚT GỌN

I. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

1. Chương trình giáo dục phổ thông là văn bản thể hiện mục tiêu giáo dục phổ thông, quy định các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của học sinh, nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục và phương pháp đánh giá kết quả giáo dục, làm căn cứ quản lý chất lượng giáo dục phổ thông; đồng thời là cam kết của Nhà nước nhằm bảo đảm chất lượng của cả hệ thống và từng cơ sở giáo dục phổ thông.
2. Chương trình giáo dục phổ thông được xây dựng trên cơ sở quan điểm của Đảng, Nhà nước về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; kế thừa và phát triển những ưu điểm của các chương trình giáo dục phổ thông đã có của Việt Nam, đồng thời tiếp thu thành tựu nghiên cứu về khoa học giáo dục và kinh nghiệm xây dựng chương trình theo mô hình phát triển năng lực của những nền giáo dục tiên tiến trên thế giới; gắn với nhu cầu phát triển của đất nước, những tiến bộ của thời đại về khoa học - công nghệ và xã hội; phù hợp với đặc điểm con người, văn hoá Việt Nam, các giá trị truyền thống của dân tộc và những giá trị chung của nhân loại cũng như các sáng kiến và định hướng phát triển chung của UNESCO về giáo dục; tạo cơ hội bình đẳng về quyền được bảo vệ, chăm sóc, học tập và phát triển, quyền được lắng nghe, tôn trọng và được tham gia của học sinh; đặt nền tảng cho một xã hội nhân văn, phát triển bền vững và phồn vinh.
3. Chương trình giáo dục phổ thông bảo đảm phát triển phẩm chất và năng lực người học thông qua nội dung giáo dục với những kiến thức, kĩ năng cơ bản, thiết thực, hiện đại; hài hoà đức, trí, thể, mỹ; chú trọng thực hành, vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề trong học tập và đời sống; tích hợp cao ở các lớp học dưới, phân hoá dần ở các lớp học trên; thông qua các phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục phát huy tính chủ động và tiềm năng của mỗi học sinh, các phương pháp đánh giá phù hợp với mục tiêu giáo dục và phương pháp giáo dục để đạt được mục tiêu đó.
4. Chương trình giáo dục phổ thông bảo đảm kết nối chặt chẽ giữa các lớp học, cấp học với nhau và liên thông với chương trình giáo dục mầm non, chương trình giáo dục nghề nghiệp và chương trình giáo dục đại học.
5. Chương trình giáo dục phổ thông được xây dựng theo hướng mở, cụ thể là:
 - a) Chương trình bảo đảm định hướng thống nhất và những nội dung giáo dục cốt lõi, bắt buộc đối với học sinh toàn quốc, đồng thời trao quyền chủ động và trách nhiệm cho địa phương, nhà trường trong việc lựa chọn, bổ sung một số nội dung giáo dục và triển khai kế hoạch giáo dục phù hợp với đối tượng giáo dục và điều kiện của địa phương, của nhà trường, góp phần bảo đảm kết nối hoạt động của nhà trường với gia đình, chính quyền và xã hội.
 - b) Chương trình chỉ quy định những nguyên tắc, định hướng chung về yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của học sinh, nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục và việc đánh giá kết quả giáo dục, không quy định quá chi tiết, để tạo điều kiện cho tác giả sách giáo khoa và giáo viên phát huy tính chủ động, sáng tạo trong thực hiện chương trình.

b) Chương trình bảo đảm tính ổn định và khả năng phát triển trong quá trình thực hiện cho phù hợp với tiến bộ khoa học - công nghệ và yêu cầu của thực tế.

II. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Chương trình giáo dục phổ thông cụ thể hoá mục tiêu giáo dục phổ thông, giúp học sinh làm chủ kiến thức phổ thông, biết vận dụng hiệu quả kiến thức, kĩ năng đã học vào đời sống và tự học suốt đời, có định hướng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp, biết xây dựng và phát triển hài hoà các mối quan hệ xã hội, có cá tính, nhân cách và đời sống tâm hồn phong phú, nhờ đó có được cuộc sống có ý nghĩa và đóng góp tích cực vào sự phát triển của đất nước và nhân loại.

Chương trình giáo dục tiểu học giúp học sinh hình thành và phát triển những yếu tố căn bản đặt nền móng cho sự phát triển hài hoà về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực; định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nền nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt.

Chương trình giáo dục trung học cơ sở giúp học sinh phát triển các phẩm chất, năng lực đã được hình thành và phát triển ở cấp tiểu học, tự điều chỉnh bản thân theo các chuẩn mực chung của xã hội, biết vận dụng các phương pháp học tập tích cực để hoàn chỉnh tri thức và kĩ năng nền tảng, có những hiểu biết ban đầu về các ngành nghề và có ý thức hướng nghiệp để tiếp tục học lên trung học phổ thông, học nghề hoặc tham gia vào cuộc sống lao động.

Chương trình giáo dục trung học phổ thông giúp học sinh tiếp tục phát triển những phẩm chất, năng lực cần thiết đối với người lao động, ý thức và nhân cách công dân, khả năng tự học và ý thức học tập suốt đời, khả năng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực và sở thích, điều kiện và hoàn cảnh của bản thân để tiếp tục học lên, học nghề hoặc tham gia vào cuộc sống lao động, khả năng thích ứng với những đổi thay trong bối cảnh toàn cầu hoá và cách mạng công nghiệp mới.

III. YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC

1. Chương trình giáo dục phổ thông hình thành và phát triển cho học sinh những phẩm chất chủ yếu sau: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

2. Chương trình giáo dục phổ thông hình thành và phát triển cho học sinh những năng lực cốt lõi sau:

- a) Những năng lực chung được hình thành, phát triển thông qua tất cả các môn học và hoạt động giáo dục: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo;
- b) Những năng lực đặc thù được hình thành, phát triển chủ yếu thông qua một số môn học và hoạt động giáo dục nhất định: năng lực ngôn ngữ, năng lực tính toán, năng lực khoa học, năng lực công nghệ, năng lực tin học, năng lực thẩm mỹ, năng lực thể chất.

Bên cạnh việc hình thành, phát triển các năng lực cốt lõi, chương trình giáo dục phổ thông còn góp phần phát hiện, bồi dưỡng năng khiếu của học sinh.

3. Những yêu cầu cần đạt cụ thể về phẩm chất chủ yếu và năng lực cốt lõi được quy định tại Mục IX Chương trình tổng thể và tại các chương trình môn học, hoạt động giáo dục.

IV. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC

Chương trình giáo dục phổ thông được chia thành hai giai đoạn: giai đoạn giáo dục cơ bản (từ lớp 1 đến lớp 9) và giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp (từ lớp 10 đến lớp 12).

Hệ thống môn học và hoạt động giáo dục của chương trình giáo dục phổ thông gồm các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc, các môn học lựa chọn theo định hướng nghề nghiệp (gọi tắt là các môn học lựa chọn) và các môn học tự chọn.

Thời gian thực học trong một năm học tương đương 35 tuần. Các cơ sở giáo dục có thể tổ chức dạy học 1 buổi/ngày hoặc 2 buổi/ngày. Cơ sở giáo dục tổ chức dạy học 1 buổi/ngày và 2 buổi/ngày đều phải thực hiện nội dung giáo dục bắt buộc chung thống nhất đối với tất cả cơ sở giáo dục trong cả nước.

V. ĐỊNH HƯỚNG VỀ NỘI DUNG GIÁO DỤC

Chương trình giáo dục phổ thông thực hiện mục tiêu giáo dục hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực cho học sinh thông qua các nội dung giáo dục ngôn ngữ và văn học, giáo dục toán học, giáo dục khoa học xã hội, giáo dục khoa học tự nhiên, giáo dục công nghệ, giáo dục tin học, giáo dục công dân, giáo dục quốc phòng và an ninh, giáo dục nghệ thuật, giáo dục thể chất, giáo dục hướng nghiệp. Mỗi nội dung giáo dục đều được thực hiện ở tất cả các môn học và hoạt động giáo dục, trong đó có một số môn học và hoạt động giáo dục đảm nhiệm vai trò cốt lõi.

Căn cứ mục tiêu giáo dục và yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực ở từng giai đoạn giáo dục và từng cấp học, chương trình mỗi môn học và hoạt động giáo dục xác định mục tiêu, yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực và nội dung giáo dục của môn học, hoạt động giáo dục đó. Giai đoạn giáo dục cơ bản thực hiện phương châm giáo dục toàn diện và tích hợp, bảo đảm trang bị cho học sinh tri thức phổ thông nền tảng, đáp ứng yêu cầu phân luồng mạnh sau trung học cơ sở; giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp thực hiện phương châm giáo dục phân hoá, bảo đảm học sinh được tiếp cận nghề nghiệp, chuẩn bị cho giai đoạn học sau phổ thông có chất lượng. Cả hai giai đoạn giáo dục cơ bản và giáo dục định hướng nghề nghiệp đều có các môn học tự chọn; giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp có thêm các môn học và chuyên đề học tập lựa chọn, nhằm đáp ứng nguyện vọng, phát triển tiềm năng, sở trường của mỗi học sinh.

9. Giáo dục nghệ thuật

Giáo dục nghệ thuật góp phần hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung cho học sinh; đồng thời, thông qua việc trang bị những kiến thức cốt lõi, kỹ năng cơ bản về các lĩnh vực nghệ thuật, tập trung hình thành, phát triển năng lực thẩm mỹ và phát hiện, bồi dưỡng năng khiếu nghệ thuật cho học sinh; giáo dục thái độ tôn trọng, khả năng kế thừa và phát huy những giá trị văn hoá, nghệ thuật truyền thống của dân tộc trong quá trình hội nhập và giao lưu với thế giới, đáp ứng mục tiêu giáo dục hài hoà về đức, trí, thể, mỹ cho học sinh.

Giáo dục nghệ thuật được thực hiện thông qua nhiều môn học, mà cốt lõi là môn Âm nhạc và môn Mỹ thuật. Từ lớp 10 đến lớp 12, học sinh được lựa chọn môn học thuộc nhóm môn công nghệ và nghệ thuật phù hợp với định hướng nghề nghiệp, sở thích và năng lực của bản thân.

1. Môn Âm nhạc

Giáo dục âm nhạc tạo cơ hội cho học sinh được trải nghiệm và phát triển năng lực âm nhạc – biểu hiện của năng lực thẩm mỹ với các thành phần sau: thể hiện âm nhạc, cảm thụ và hiểu biết âm nhạc, ứng dụng và sáng tạo âm nhạc; góp phần phát hiện, bồi dưỡng những học sinh có năng khiếu âm nhạc. Đồng thời, thông qua nội dung các bài hát, các hoạt động âm nhạc và phương pháp giáo dục của nhà sư phạm, giáo dục âm nhạc góp phần phát triển ở học sinh các phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm, cùng các năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo để trở thành những công dân phát triển toàn diện về nhân cách, hài hoà về thể chất và tinh thần.

Nội dung giáo dục âm nhạc được phân chia theo hai giai đoạn: giai đoạn giáo dục cơ bản và giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp.

– Giai đoạn giáo dục cơ bản

Âm nhạc là nội dung giáo dục bắt buộc từ lớp 1 đến lớp 9, bao gồm những kiến thức và kỹ năng cơ bản về hát, nhạc cụ, nghe nhạc, đọc nhạc, lý thuyết âm nhạc, thưởng thức âm nhạc. Nội dung giáo dục âm nhạc giúp học sinh trải nghiệm, khám phá và thể hiện bản thân thông qua các hoạt động âm nhạc nhằm phát triển năng lực thẩm mỹ, nhận thức được sự đa dạng của thế giới âm nhạc và mối liên hệ giữa âm nhạc với văn hoá, lịch sử cùng các loại hình nghệ thuật khác; đồng thời hình thành ý thức bảo vệ và phổ biến các giá trị âm nhạc truyền thống.

– Giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp

Âm nhạc là môn học được lựa chọn theo nguyện vọng và định hướng nghề nghiệp của học sinh. Nội dung môn học bao gồm kiến thức và kỹ năng mở rộng, nâng cao về hát, nhạc cụ, nghe nhạc, đọc nhạc, lý thuyết âm nhạc, thưởng thức âm nhạc. Những học sinh có sở thích, năng khiếu hoặc định hướng nghề nghiệp liên quan có thể chọn học thêm một số chuyên đề học tập. Nội dung giáo dục âm nhạc giúp học sinh tiếp tục phát triển các kỹ năng thực hành, mở rộng hiểu biết về âm nhạc trong mối tương quan với các yếu tố văn hoá, lịch sử và xã hội, ứng dụng kiến thức vào đời sống, đáp ứng sở thích cá nhân và tiếp cận với những nghề nghiệp liên quan đến âm nhạc.

9.2. Môn Mỹ thuật

Giáo dục mỹ thuật trong nhà trường phổ thông góp phần hình thành, phát triển ở học sinh các phẩm chất chủ yếu và các năng lực chung, trọng tâm là khơi dậy và phát triển năng lực mỹ thuật – biểu hiện của năng lực thẩm mỹ với các thành phần sau: quan sát và nhận thức thẩm mỹ, sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ, phân tích và đánh giá thẩm mỹ; trên cơ sở đó giáo dục cho học sinh ý thức tôn trọng, kế thừa giá trị văn hoá, nghệ thuật dân tộc, tiếp cận giá trị thẩm mỹ thời đại, phát huy tinh thần sáng tạo phù hợp với sự phát triển xã hội.

Chương trình môn Mỹ thuật kết hợp cấu trúc tuyến tính và cấu trúc đồng tâm, mở rộng nội dung Mỹ thuật tạo hình, Mỹ thuật ứng dụng; lồng ghép, tích hợp hoạt động thảo luận và thực hành nghệ thuật; tạo cơ hội để học sinh được trải nghiệm và ứng dụng mỹ thuật vào đời sống thực tế; giúp học sinh nhận thức được tầm quan trọng của mỹ thuật, mối liên hệ giữa mỹ thuật với đời sống, văn hoá, lịch sử, xã hội và các môn học, hoạt động giáo dục khác, góp phần phát triển hài hoà về đức, trí, thể, mỹ cho mọi học sinh, đồng thời phát hiện, bồi dưỡng những học sinh có năng khiếu.

Nội dung giáo dục mỹ thuật được phân chia theo hai giai đoạn: giai đoạn giáo dục cơ bản và giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp.

– *Giai đoạn giáo dục cơ bản*

Mỹ thuật là nội dung giáo dục bắt buộc từ lớp 1 đến lớp 9. Chương trình tạo cơ hội cho học sinh làm quen và trải nghiệm kiến thức mỹ thuật thông qua nhiều hình thức hoạt động; hình thành, phát triển ở học sinh khả năng quan sát và cảm thụ nghệ thuật, nhận thức và biểu đạt thể giới; khả năng cảm nhận và tìm hiểu, thể nghiệm các giá trị văn hoá, thẩm mỹ trong đời sống và nghệ thuật.

27

– *Giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp*

Mỹ thuật là môn học được lựa chọn theo nguyện vọng và định hướng nghề nghiệp của học sinh. Nội dung giáo dục mỹ thuật được mở rộng, phát triển kiến thức, kỹ năng mỹ thuật đã hình thành ở giai đoạn giáo dục cơ bản, tiếp cận các nhóm ngành nghề liên quan đến nghệ thuật thị giác và có tính ứng dụng trong thực tiễn; tạo cơ sở cho học sinh được tìm hiểu và có định hướng nghề nghiệp phù hợp với bản thân dựa trên nhu cầu thực tế, thích ứng với xã hội.

14. Nội dung giáo dục của địa phương

Nội dung giáo dục của địa phương là những vấn đề cơ bản hoặc thời sự về văn hoá, lịch sử, địa lí, kinh tế, xã hội, môi trường, hướng nghiệp,... của địa phương bổ sung cho nội dung giáo dục bắt buộc chung thống nhất trong cả nước, nhằm trang bị cho học sinh những hiểu biết về nơi sinh sống, bồi dưỡng cho học sinh tình yêu quê hương, ý thức tìm hiểu và vận dụng những điều đã học để góp phần giải quyết những vấn đề của quê hương.

Ở cấp tiểu học, nội dung giáo dục của địa phương được tích hợp với Hoạt động trải nghiệm. Ở cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông, nội dung giáo dục của địa phương có vị trí tương đương các môn học khác.

Căn cứ chương trình giáo dục phổ thông, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, thẩm định, chỉnh sửa tài liệu về nội dung giáo dục của địa phương; chỉ đạo việc tổ chức biên soạn, thẩm định tài liệu về nội dung giáo dục của địa phương theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và báo cáo để Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.

VI. ĐỊNH HƯỚNG VỀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

1. Định hướng về phương pháp giáo dục

Các môn học và hoạt động giáo dục trong nhà trường áp dụng các phương pháp tích cực hoá hoạt động của học sinh, trong đó giáo viên đóng vai trò tổ chức, hướng dẫn hoạt động cho học sinh, tạo môi trường học tập thân thiện và những tình huống có vấn đề để khuyến khích học sinh tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, tự phát hiện năng lực, nguyện vọng của bản thân, rèn luyện thói quen và khả năng tự học, phát huy tiềm năng và những kiến thức, kĩ năng đã tích lũy được để phát triển.

Các hoạt động học tập của học sinh bao gồm hoạt động khám phá vấn đề, hoạt động luyện tập và hoạt động thực hành (ứng dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết những vấn đề có thực trong đời sống), được thực hiện với sự hỗ trợ của thiết bị dạy học, đặc biệt là công cụ tin học và các hệ thống tự động hoá của kĩ thuật số.

Các hoạt động học tập nói trên được tổ chức trong và ngoài khuôn viên nhà trường thông qua một số hình thức chủ yếu sau: học lí thuyết; thực hiện bài tập, thí nghiệm, trò chơi, đóng vai, dự án nghiên cứu; tham gia xêmina, tham quan, cắm trại, đọc sách; sinh hoạt tập thể, hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tuỳ theo mục tiêu, tính chất của hoạt động, học sinh được tổ chức làm việc độc lập, làm việc theo nhóm hoặc làm việc chung cả lớp nhưng phải bảo đảm mỗi học sinh được tạo điều kiện để tự mình thực hiện nhiệm vụ học tập và trải nghiệm thực tế.

2. Định hướng về đánh giá kết quả giáo dục

Mục tiêu đánh giá kết quả giáo dục là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình và sự tiến bộ của học sinh để hướng dẫn hoạt động học tập, điều chỉnh các hoạt động dạy học, quản lí và phát triển chương trình, bảo đảm sự tiến bộ của từng học sinh và nâng cao chất lượng giáo dục.

Căn cứ đánh giá là các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực được quy định trong chương trình tổng thể và các chương trình môn học, hoạt động giáo dục. Phạm vi đánh giá bao gồm các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc, môn học và chuyên đề học tập lựa chọn và môn học tự chọn. Đối tượng đánh giá là sản phẩm và quá trình học tập, rèn luyện của học sinh.

Kết quả giáo dục được đánh giá bằng các hình thức định tính và định lượng thông qua đánh giá thường xuyên, định kì ở cơ sở giáo dục, các kì đánh giá trên diện rộng ở cấp quốc gia, cấp địa phương và các kì đánh giá quốc tế. Cùng với kết quả các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc, các môn học và chuyên đề học tập lựa chọn, kết quả các môn học tự chọn được sử dụng cho đánh giá kết quả học tập chung của học sinh trong từng năm học và trong cả quá trình học tập.

Việc đánh giá thường xuyên do giáo viên phụ trách môn học tổ chức, kết hợp đánh giá của giáo viên, của cha mẹ học sinh, của bản thân học sinh được đánh giá và của các học sinh khác.

Việc đánh giá định kì do cơ sở giáo dục tổ chức để phục vụ công tác quản lí các hoạt động dạy học, bảo đảm chất lượng ở cơ sở giáo dục và phục vụ phát triển chương trình.

Việc đánh giá trên diện rộng ở cấp quốc gia, cấp địa phương do tổ chức khảo thí cấp quốc gia hoặc cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức để phục vụ công tác quản lí các hoạt động dạy học, bảo đảm chất lượng đánh giá kết quả giáo dục ở cơ sở giáo dục, phục vụ phát triển chương trình và nâng cao chất lượng giáo dục.

Phương thức đánh giá bảo đảm độ tin cậy, khách quan, phù hợp với từng lứa tuổi, từng cấp học, không gây áp lực lên học sinh, hạn chế tổn kém cho ngân sách nhà nước, gia đình học sinh và xã hội.

Nghiên cứu từng bước áp dụng các thành tựu của khoa học đo lường, đánh giá trong giáo dục và kinh nghiệm quốc tế vào việc nâng cao chất lượng đánh giá kết quả giáo dục, xếp loại học sinh ở cơ sở giáo dục và sử dụng kết quả đánh giá trên diện rộng làm công cụ kiểm soát chất lượng đánh giá ở cơ sở giáo dục.

Phẩm chất	Cấp tiểu học	Cấp trung học cơ sở	Cấp trung học phổ thông
Yêu nước			
	– Yêu thiên nhiên và có những việc làm thiết thực bảo vệ thiên nhiên. – Yêu quê hương, yêu Tổ quốc, tôn	– Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động bảo vệ thiên nhiên. – Có ý thức tìm hiểu truyền thống	– Tích cực, chủ động vận động người khác tham gia các hoạt động bảo vệ thiên nhiên.
Phẩm chất	Cấp tiểu học	Cấp trung học cơ sở	Cấp trung học phổ thông
	trọng các biểu trưng của đất nước. – Kính trọng, biết ơn người lao động, người có công với quê hương, đất nước; tham gia các hoạt động đền ơn, đáp nghĩa đối với những người có công với quê hương, đất nước.	của gia đình, dòng họ, quê hương; tích cực học tập, rèn luyện để phát huy truyền thống của gia đình, dòng họ, quê hương. – Có ý thức bảo vệ các di sản văn hoá, tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ, phát huy giá trị của di sản văn hoá.	– Tự giác thực hiện và vận động người khác thực hiện các quy định của pháp luật, góp phần bảo vệ và xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam. – Chủ động, tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động bảo vệ, phát huy giá trị các di sản văn hoá. – Đấu tranh với các âm mưu, hành động xâm phạm lãnh thổ, biên giới quốc gia, các vùng biển thuộc chủ quyền và quyền chủ quyền của quốc gia bằng thái độ và việc làm phù hợp với lứa tuổi, với quy định của pháp luật.–

			- Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.
Nhân ái			
Yêu quý mọi người	–Yêu thương, quan tâm, chăm sóc người thân trong gia đình. –Yêu quý bạn bè, thầy cô; quan tâm, động viên, khích lệ bạn bè.	–Trân trọng danh dự, sức khoẻ và cuộc sống riêng tư của người khác. –Không đồng tình với cái ác, cái xấu; không cổ xúy, không tham	–Quan tâm đến mối quan hệ hài hoà với những người khác. –Tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của mọi người; đấu tranh

Phẩm chất	Cấp tiểu học	Cấp trung học cơ sở	Cấp trung học phổ thông
	– Tôn trọng người lớn tuổi; giúp đỡ người già, người ốm yếu, người khuyết tật; nhường nhịn và giúp đỡ em nhỏ. –Biết chia sẻ với những bạn có hoàn cảnh khó khăn, các bạn ở vùng sâu, vùng xa, người khuyết tật và đồng bào bị ảnh hưởng của thiên tai.	- gia các hành vi bạo lực; sẵn sàng bênh vực người yếu thế, thiệt thòi,... – Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động từ thiện và hoạt động phục vụ cộng đồng.	- với những hành vi xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.. – Chủ động, tích cực vận động người khác tham gia các hoạt động từ thiện và hoạt động phục vụ cộng đồng.
Tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người	–Tôn trọng sự khác biệt của bạn bè trong lớp về cách ăn mặc, tính nết và hoàn cảnh gia đình. –Không phân biệt đối xử, chia rẽ các bạn. –Sẵn sàng tha thứ cho những hành vi có lỗi của bạn.	–Tôn trọng sự khác biệt về nhận thức, phong cách cá nhân của những người khác. –Tôn trọng sự đa dạng về văn hoá của các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam và các dân tộc khác. –Cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ mọi người.	–Tôn trọng sự khác biệt về lựa chọn nghề nghiệp, hoàn cảnh sống, sự đa dạng văn hoá cá nhân. –Có ý thức học hỏi các nền văn hoá trên thế giới. –Cảm thông, độ lượng với những hành vi, thái độ có lỗi của người khác.
Chăm chỉ			

Ham học	– Đi học đầy đủ, đúng giờ. – Thường xuyên hoàn thành nhiệm vụ học tập. – Ham học hỏi, thích đọc sách để	– Luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập. – Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.	– Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, thuận lợi, khó khăn trong học tập để xây dựng kế hoạch học tập. – Tích cực tìm tòi và sáng tạo
---------	---	---	--

Phẩm chất	Cấp tiểu học	Cấp trung học cơ sở	Cấp trung học phổ thông
	mở rộng hiểu biết. – Có ý thức vận dụng kiến thức, kỹ năng học được ở nhà trường vào đời sống hằng ngày.	– Có ý thức vận dụng kiến thức, kỹ năng học được ở nhà trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hằng ngày.	trong học tập; có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả tốt trong học tập.
Chăm làm	– Thường xuyên tham gia các công việc của gia đình và sức với bản thân. – Thường xuyên tham gia các công việc của trường lớp, cộng đồng và sức với bản thân.	– Tham gia công việc lao động, sản xuất trong gia đình theo yêu cầu thực tế, phù hợp với khả năng và điều kiện của bản thân. – Luôn cố gắng đạt kết quả tốt trong lao động ở trường lớp, cộng đồng. – Có ý thức học tốt các môn học, các nội dung hướng nghiệp; có hiểu biết về một nghề phổ thông.	– Tích cực tham gia và vận động mọi người tham gia các công việc phục vụ cộng đồng. – Có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả tốt trong lao động. – Tích cực học tập, rèn luyện để chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai.
Trung thực			

	–Thật thà, ngay thẳng trong học tập, lao động và sinh hoạt hằng ngày; mạnh dạn nói lên ý kiến của mình. –Luôn giữ lời hứa; mạnh dạn nhận lỗi,sửa lỗi và bảo vệ cái đúng,cái tốt. –Không tự tiện lấy đồ vật, tiền bạc của người thân, bạn bè, thầy cô và những người khác.	–Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm. –Nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân và chịu trách nhiệm về mọi lời nói, hành vi của bản thân. –Tôn trọng lễ phải; bảo vệ điều hay, lẽ phải trước mọi người;	– Nhận thức và hành động theo lẽ phải. –Sẵn sàng đấu tranh bảo vệ lẽ phải, bảo vệ người tốt, điều tốt. –Tự giác tham gia và vận động người khác tham gia phát hiện, đấu tranh với các hành vi thiếu trung thực trong học tập và trong cuộc sống, các hành vi vi phạm
--	--	---	---

Phẩm chất	Cấp tiểu học	Cấp trung học cơ sở	Cấp trung học phổ thông
	– Không đồng tình với các hành vi thiếu trung thực trong học tập và trong cuộc sống.	khách quan, công bằng trong nhận thức, ứng xử. – Không xâm phạm của công. –Đấu tranh với các hành vi thiếu trung thực trong học tập và trong cuộc sống.	chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật.
Trách nhiệm			

Có trách nhiệm với bản thân	–Có ý thức giữ gìn vệ sinh, rèn luyện thân thể, chăm sóc sức khỏe. – Có ý thức sinh hoạt nề nếp.	–Có thói quen giữ gìn vệ sinh, rèn luyện thân thể, chăm sóc sức khỏe. –Có ý thức bảo quản và sử dụng hợp lí đồ dùng của bản thân. –Có ý thức tiết kiệm thời gian; sử dụng thời gian hợp lí; xây dựng và thực hiện chế độ học tập, sinh hoạt hợp lí. –Không đổ lỗi cho người khác; có ý thức và tìm cách khắc phục hậu quả do mình gây ra.	–Tích cực, tự giác và nghiêm túc rèn luyện, tu dưỡng đạo đức của bản thân. –Có ý thức sử dụng tiền hợp lí khi ăn uống, mua sắm đồ dùng học tập, sinh hoạt. –Sẵn sàng chịu trách nhiệm về những lời nói và hành động của bản thân.
Có trách nhiệm với gia đình	–Có ý thức bảo quản, giữ gìn đồ dùng cá nhân và gia đình. –Không bỏ thừa đồ ăn, thức uống; có ý thức tiết kiệm tiền bạc, điện nước trong gia đình.	–Quan tâm đến các công việc của gia đình. –Có ý thức tiết kiệm trong chi tiêu của cá nhân và gia đình.	–Có ý thức làm tròn bổn phận với người thân và gia đình. –Quan tâm bàn bạc với người thân, xây dựng và thực hiện kế hoạch chi tiêu hợp lí trong gia đình.

Phẩm chất	Cấp tiểu học	Cấp trung học cơ sở	Cấp trung học phổ thông
-----------	--------------	---------------------	-------------------------

Có trách nhiệm với nhà trường và xã hội	–Tự giác thực hiện nghiêm túc nội quy của nhà trường và các quy định, quy ước của tập thể; giữ vệ sinh chung; bảo vệ của công. –Không gây mất trật tự, cãi nhau, đánh nhau. –Nhắc nhở bạn bè chấp hành nội quy trường lớp; nhắc nhở người thân chấp hành các quy định, quy ước nơi công cộng. –Có trách nhiệm với công việc được giao ở trường, ở lớp. –Tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động xã hội phù hợp với lứa tuổi.	–Quan tâm đến các công việc của cộng đồng; tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động phục vụ cộng đồng. –Tôn trọng và thực hiện nội quy nơi công cộng; chấp hành tốt pháp luật về giao thông; có ý thức khi tham gia các sinh hoạt cộng đồng, lễ hội tại địa phương –Không đồng tình với những hành vi không phù hợp với nếp sống văn hoá và quy định ở nơi công cộng. –Tham gia, kết nối Internet và mạng xã hội đúng quy định; không tiếp tay cho kẻ xấu phát tán thông tin ảnh hưởng đến danh dự của tổ chức, cá nhân hoặc ảnh hưởng đến nếp sống văn hoá, trật tự an toàn xã hội.	–Tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động công ích. –Tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền pháp luật. –Đánh giá được hành vi chấp hành kỉ luật, pháp luật của bản thân và người khác; đấu tranh phê bình các hành vi vô kỉ luật, vi phạm pháp luật.
Có trách nhiệm với môi trường sống	–Có ý thức chăm sóc, bảo vệ cây xanh và các con vật có ích. – Có ý thức giữ vệ sinh môi	–Sống hoà hợp, thân thiện với thiên nhiên. – Có ý thức tìm hiểu và sẵn sàng	– Hiểu rõ ý nghĩa của tiết kiệm đối với sự phát triển bền vững; có ý thức tiết kiệm tài nguyên thiên

Phẩm chất	Cấp tiểu học	Cấp trung học cơ sở	Cấp trung học phổ thông
	trường, không xả rác bừa bãi. – Không đồng tình với những hành vi xâm hại thiên nhiên.	tham gia các hoạt động tuyên truyền, chăm sóc, bảo vệ thiên nhiên; phản đối những hành vi xâm hại thiên nhiên. – Có ý thức tìm hiểu và sẵn sàng tham gia các hoạt động tuyên truyền về biến đổi khí hậu và ứng phó với biến đổi khí hậu.	nhiên; đấu tranh ngăn chặn các hành vi sử dụng bừa bãi, lãng phí vật dụng, tài nguyên. – Chủ động, tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền, chăm sóc, bảo vệ thiên nhiên, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

3. Yêu cầu cần đạt về năng lực chung của học sinh

Năng lực	Cấp tiểu học	Cấp trung học cơ sở	Cấp trung học phổ thông
Năng lực tự chủ và tự học			
Tự lực	Tự làm được những việc của mình ở nhà và ở trường theo sự phân công, hướng dẫn.	Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống; không đồng tình với những hành vi sống dựa dẫm, ỷ lại.	Luôn chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống; biết giúp đỡ người sống ỷ lại vươn lên để có lối sống tự lực.
Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng	Có ý thức về quyền và mong muốn của bản thân; bước đầu biết cách trình bày và thực hiện một số	Hiểu biết về quyền, nhu cầu cá nhân; biết phân biệt quyền, nhu cầu chính đáng và không chính đáng.	Biết khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu cá nhân phù hợp với đạo đức và pháp luật.

	quyền lợi và nhu cầu chính đáng.		
--	----------------------------------	--	--

Năng lực	Cấp tiểu học	Cấp trung học cơ sở	Cấp trung học phổ thông
Tự điều chỉnh tình cảm, thái độ, hành vi của mình	– Nhận biết và bày tỏ được tình cảm, cảm xúc của bản thân; biết chia sẻ tình cảm, cảm xúc của bản thân với người khác. – Hoà nhã với mọi người; không nói hoặc làm những điều xúc phạm người khác. – Thực hiện đúng kế hoạch học tập, lao động; không mãi chơi, làm ảnh hưởng đến việc học và các việc khác.	– Nhận biết tình cảm, cảm xúc của bản thân và hiểu được ảnh hưởng của tình cảm, cảm xúc đến hành vi. – Biết làm chủ tình cảm, cảm xúc để có hành vi phù hợp trong học tập và đời sống; không đua đòi ăn diện lãng phí, nghịch ngợm, càn quấy; không cổ vũ hoặc làm những việc xấu. – Biết thực hiện kiên trì kế hoạch học tập, lao động.	– Đánh giá được những ưu điểm và hạn chế về tình cảm, cảm xúc của bản thân; tự tin, lạc quan. – Biết tự điều chỉnh tình cảm, thái độ, hành vi của bản thân; luôn bình tĩnh và có cách cư xử đúng. – Sẵn sàng đón nhận và quyết tâm vượt qua thử thách trong học tập và đời sống. – Biết tránh các tệ nạn xã hội.

Thích ứng với cuộc sống	–Tìm được những cách giải quyết khác nhau cho cùng một vấn đề. –Thực hiện được các nhiệm vụ khác nhau với những yêu cầu khác nhau.	–Vận dụng được một cách linh hoạt những kiến thức, kĩ năng đã học hoặc kinh nghiệm đã có để giải quyết vấn đề trong những tình huống mới. –Bình tĩnh trước những thay đổi bất ngờ của hoàn cảnh; kiên trì vượt qua khó khăn để hoàn thành công việc cần thiết đã định.	–Điều chỉnh được hiểu biết, kĩ năng, kinh nghiệm của bản thân cho hoạt động mới, môi trường mới. ư duy, –Thay đổi được cách thể hiện thái độ, cảm xúc để mới, hoàn đáp ứng với yêu cầu mới
Định hướng nghề nghiệp	– Bộc lộ được sở thích, khả năng của bản thân.	– Nhận thức được sở thích, khả năng của bản thân.	– Nhận thức được cá tính và giá trị sống của bản thân.

Năng lực	Cấp tiểu học	Cấp trung học cơ sở	Cấp trung học phổ thông
	– Biết tên, hoạt động chính và vai trò của một số nghề nghiệp; liên hệ được những hiểu biết đó với nghề nghiệp của người thân trong gia đình.	– Hiểu được vai trò của các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội. –Nắm được một số thông tin chính về các ngành nghề ở địa phương, ngành nghề thuộc các lĩnh vực sản xuất chủ yếu; lựa chọn được hướng phát triển phù hợp sau trung học cơ sở.	– Nắm được những thông tin chính về thị trường lao động, về yêu cầu và triển vọng của các ngành nghề. –Xác định được hướng phát triển phù hợp sau trung học phổ thông; lập được kế hoạch, lựa chọn học các môn học phù hợp với định hướng nghề nghiệp của bản thân.

Tự học, tự hoàn thiện	–Có ý thức tổng kết và trình bày được những điều đã học. –Nhận ra và sửa chữa sai sót trong bài kiểm tra qua lời nhận xét của thầy cô. –Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết. –Có ý thức học tập và làm theo những gương người tốt.	–Tự đặt được mục tiêu học tập để nỗ lực phấn đấu thực hiện. –Biết lập và thực hiện kế hoạch học tập; lựa chọn được các nguồn tài liệu học tập phù hợp; lưu giữ thông tin có chọn lọc bằng ghi tóm tắt, bằng bản đồ khái niệm, bảng, các từ khoá; ghi chú bài giảng của giáo viên theo các ý chính. –Nhận ra và điều chỉnh được những sai sót, hạn chế của bản thân khi được giáo viên, bạn bè góp ý; chủ động tìm kiếm sự hỗ trợ của người khác khi gặp khó khăn trong học tập. – Biết rèn luyện, khắc phục những	–Xác định được nhiệm vụ học tập dựa trên kết quả đã đạt được; biết đặt mục tiêu học tập chi tiết, cụ thể, khắc phục những hạn chế. –Đánh giá và điều chỉnh được kế hoạch học tập; hình thành cách học riêng của bản thân; tìm kiếm, đánh giá và lựa chọn được nguồn tài liệu phù hợp với mục đích, nhiệm vụ học tập khác nhau; ghi chép thông tin bằng các hình thức phù hợp, thuận lợi cho việc ghi nhớ, sử dụng, bổ sung khi cần thiết. –Tự nhận ra và điều chỉnh được những sai sót, hạn chế của bản thân trong quá trình học tập; suy ngẫm cách học của mình, rút kinh nghiệm để có thể vận
-----------------------	--	---	--



Năng lực	Cấp tiểu học	Cấp trung học cơ sở	Cấp trung học phổ thông
----------	--------------	---------------------	-------------------------

		hạn chế của bản thân hướng tới các giá trị xã hội.	dụng vào các tình huống khác; biết tự điều chỉnh cách học. – Biết thường xuyên tu dưỡng theo mục tiêu phấn đấu cá nhân và các giá trị công dân.
Năng lực giao tiếp và hợp tác			
Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp	–Nhận ra được ý nghĩa của giao tiếp trong việc đáp ứng các nhu cầu của bản thân. –Tiếp nhận được những văn bản về đời sống, tự nhiên và xã hội có sử dụng ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh như truyện tranh, bài viết đơn giản. –Bước đầu biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh, cử chỉ để trình bày thông tin và ý tưởng. –Tập trung chú ý khi giao tiếp; nhận ra được thái độ của đối tượng giao tiếp.	–Biết đặt ra mục đích giao tiếp và hiểu được vai trò quan trọng của việc đặt mục tiêu trước khi giao tiếp. –Hiểu được nội dung và phương thức giao tiếp cần phù hợp với mục đích giao tiếp và biết vận dụng để giao tiếp hiệu quả. –Tiếp nhận được các văn bản về những vấn đề đơn giản của đời sống, khoa học, nghệ thuật, có sử dụng ngôn ngữ kết hợp với biểu đồ, số liệu, công thức, kí hiệu, hình ảnh. –Biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với biểu đồ, số liệu, công thức, kí hiệu, hình ảnh để trình bày thông tin, ý tưởng và thảo luận những vấn đề đơn giản về đời sống, khoa học,	–Xác định được mục đích giao tiếp phù hợp với đối tượng và ngữ cảnh giao tiếp; dự kiến được thuận lợi, khó khăn để đạt được mục đích trong giao tiếp. –Biết lựa chọn nội dung, kiểu loại văn bản, ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp khác phù hợp với ngữ cảnh và đối tượng giao tiếp. –Tiếp nhận được các văn bản về những vấn đề khoa học, nghệ thuật phù hợp với khả năng và định hướng nghề nghiệp của bản thân, có sử dụng ngôn ngữ kết hợp với các loại phương tiện phi ngôn ngữ đa dạng. –Biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với các loại phương tiện phi ngôn ngữ đa

			dạng để trình bày thông tin, ý tưởng và để thảo
--	--	--	--

Năng lực	Cấp tiểu học	Cấp trung học cơ sở	Cấp trung học phổ thông
		nghệ thuật. – Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp; nhận biết được ngữ cảnh giao tiếp và đặc điểm, thái độ của đối tượng giao tiếp.	luận, lập luận, đánh giá về các vấn đề trong khoa học, nghệ thuật phù hợp với khả năng và định hướng nghề nghiệp. – Biết chủ động trong giao tiếp; tự tin và biết kiểm soát cảm xúc, thái độ khi nói trước nhiều người.
Thiết lập, phát triển các quan hệ xã hội; điều chỉnh và hoá giải các mâu thuẫn	–Biết cách kết bạn và giữ gìn tình bạn. –Nhận ra được những bất đồng, xích mích giữa bản thân với bạn hoặc giữa các bạn với nhau; biết nhường bạn hoặc thuyết phục bạn.	–Biết cách thiết lập, duy trì và phát triển các mối quan hệ với các thành viên của cộng đồng (họ hàng, bạn bè, hàng xóm,...). –Nhận biết được mâu thuẫn giữa bản thân với người khác hoặc giữa những người khác với nhau; có thiện chí dàn xếp và biết cách dàn xếp mâu thuẫn.	–Nhận biết và thấu cảm được suy nghĩ, tình cảm, thái độ của người khác. –Xác định đúng nguyên nhân mâu thuẫn giữa bản thân với người khác hoặc giữa những người khác với nhau và biết cách hoá giải mâu thuẫn.
Xác định mục đích và phương thức hợp tác	Có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập; biết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của thầy cô.	Biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ; biết xác định được những công việc có thể hoàn thành tốt nhất bằng hợp tác theo nhóm.	Biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác để giải quyết một vấn đề do bản thân và những người khác đề xuất; biết lựa chọn hình thức làm việc nhóm với quy mô phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ.

Xác định trách nhiệm và hoạt động của bản thân	Hiểu được nhiệm vụ của nhóm và trách nhiệm, hoạt động của bản thân trong	Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm; đánh giá được khả năng của mình và tự nhận công việc phù hợp với bản	Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm; sẵn sàng nhận công việc khó
--	--	---	---

Năng lực	Cấp tiểu học	Cấp trung học cơ sở	Cấp trung học phổ thông
	nhóm sau khi được hướng dẫn, phân công.	thân.	khăn của nhóm.
Xác định nhu cầu và khả năng của người hợp tác	Nhận biết được một số đặc điểm nổi bật của các thành viên trong nhóm để đề xuất phương án phân công công việc phù hợp.	Đánh giá được nguyện vọng, khả năng của từng thành viên trong nhóm để đề xuất phương án tổ chức hoạt động hợp tác.	Qua theo dõi, đánh giá được khả năng hoàn thành công việc của từng thành viên trong nhóm để đề xuất điều chỉnh phương án phân công công việc và tổ chức hoạt động hợp tác.
Tổ chức và thuyết phục người khác	Biết cố gắng hoàn thành phần việc mình được phân công và chia sẻ giúp đỡ thành viên khác cùng hoàn thành việc được phân công.	Biết chủ động và gương mẫu hoàn thành phần việc được giao, góp ý điều chỉnh thúc đẩy hoạt động chung; khiêm tốn học hỏi các thành viên trong nhóm.	Biết theo dõi tiến độ hoàn thành công việc của từng thành viên và cả nhóm để điều hoà hoạt động phối hợp; biết khiêm tốn tiếp thu sự góp ý và nhiệt tình chia sẻ, hỗ trợ các thành viên trong nhóm.
Đánh giá hoạt động hợp tác	Báo cáo được kết quả thực hiện nhiệm vụ của cả nhóm; tự nhận xét được ưu điểm, thiếu sót của bản thân theo hướng dẫn của thầy cô.	Nhận xét được ưu điểm, thiếu sót của bản thân, của từng thành viên trong nhóm và của cả nhóm trong công việc.	Căn cứ vào mục đích hoạt động của các nhóm, đánh giá được mức độ đạt mục đích của cá nhân, của nhóm và nhóm khác; rút kinh nghiệm cho bản thân và góp ý được cho từng người trong nhóm.

Hội nhập quốc tế	–Có hiểu biết ban đầu về một số nước trong khu vực và trên thế giới. –Biết tham gia một số hoạt động hội nhập quốc tế theo	–Có hiểu biết cơ bản về quan hệ giữa Việt Nam với một số nước trên thế giới và về một số tổ chức quốc tế có quan hệ thường xuyên với Việt Nam. – Biết tích cực tham gia một số hoạt	– Có hiểu biết cobản về hội nhập quốc tế. –Biết chủ động, tự tin trong giao tiếp với bạn bè quốc tế; biết chủ động, tích cực tham gia một số hoạt động hội nhập quốc tế phù hợp với bản thân và
------------------	---	--	--

Năng lực	Cấp tiểu học	Cấp trung học cơ sở	Cấp trung học phổ thông
	hướng dẫn của nhà trường.	động hội nhập quốc tế phù hợp với bản thân và đặc điểm của nhà trường, địa phương.	đặc điểm của nhà trường, địa phương. – Biết tìm đọc tài liệu nước ngoài phục vụ công việc học tập và định hướng nghề nghiệp của mình và bạn bè.
Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo			
Nhận ra ý tưởng mới	Biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới đối với bản thân từ các nguồn tài liệu cho sẵn theo hướng dẫn.	Biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới; biết phân tích, tóm tắt những thông tin liên quan từ nhiều nguồn khác nhau.	Biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới và phức tạp từ các nguồn thông tin khác nhau; biết phân tích các nguồn thông tin độc lập để thấy được khuynh hướng và độ tin cậy của ý tưởng mới.
Phát hiện và làm rõ vấn đề	Biết thu nhận thông tin từ tình huống, nhận ra những vấn đề đơn giản và đặt được câu hỏi.	Phân tích được tình huống trong học tập; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập.	Phân tích được tình huống trong học tập, trong cuộc sống; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập, trong cuộc sống.

Hình thành và triển khai ý tưởng mới	Dựa trên hiểu biết đã có, biết hình thành ý tưởng mới đối với bản thân và dự đoán được kết quả khi thực hiện.	Phát hiện yếu tố mới, tích cực trong những ý kiến của người khác; hình thành ý tưởng dựa trên các nguồn thông tin đã cho; đề xuất giải pháp cải tiến hay thay thế các giải pháp không còn phù hợp; so sánh và bình luận được về các giải pháp đề xuất.	Nêu được nhiều ý tưởng mới trong học tập và cuộc sống; suy nghĩ không theo lối mòn; tạo ra yếu tố mới dựa trên những ý tưởng khác nhau; hình thành và kết nối các ý tưởng; nghiên cứu để thay đổi giải pháp trước sự thay đổi của bối cảnh; đánh giá rủi ro và có dự phòng.
--------------------------------------	---	--	---

Năng lực	Cấp tiểu học	Cấp trung học cơ sở	Cấp trung học phổ thông
Đề xuất, lựa chọn giải pháp	Nêu được cách thức giải quyết vấn đề đơn giản theo hướng dẫn.	Xác định được và biết tìm hiểu các thông tin liên quan đến vấn đề; đề xuất được giải pháp giải quyết vấn đề.	Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề; lựa chọn được giải pháp phù hợp nhất.
Thiết kế và tổ chức hoạt động	–Xác định được nội dung chính và cách thức hoạt động để đạt mục tiêu đặt ra theo hướng dẫn. –Nhận xét được ý nghĩa của các hoạt động.	–Lập được kế hoạch hoạt động với mục tiêu, nội dung, hình thức hoạt động phù hợp. –Biết phân công nhiệm vụ phù hợp cho cácthànhviên thamgiahoạtđộng. –Đánh giá được sự phù hợp hay không phù hợp của kế hoạch, giải pháp và việc thực hiện kế hoạch, giải pháp.	–Lập được kế hoạch hoạt động có mục tiêu, nội dung, hình thức, phương tiện hoạt động phù hợp; –Tập hợp và điều phối được nguồn lực (nhân lực, vật lực) cần thiết cho hoạt động. –Biết điều chỉnh kế hoạch và việc thực hiện kế hoạch, cách thức và tiến trình giải quyết vấn đề cho phù hợp với hoàn cảnh để đạt hiệu quả cao. –Đánh giá được hiệu quả của giải pháp và hoạt động.
Tư duy độc lập	Nêu được thắc mắc về sự vật, hiện tượng xung quanh; không e ngại nêu ý kiến cá nhân trước các thông tin khác nhau về sự vật, hiện tượng; sẵn sàng thay đổi khi nhận ra sai sót.	Biết đặt các câu hỏi khác nhau về một sự vật, hiện tượng, vấn đề; biết chú ý lắng nghe và tiếp nhận thông tin, ý tưởng với sự cân nhắc, chọn lọc; biết quan tâm tới các chứng cứ khi nhìn nhận, đánh giá sự vật, hiện tượng; biết đánh giá vấn đề, tình huốngdướinhữnggócnhìnkhácnhau.	Biết đặt nhiều câu hỏi có giá trị, không dễ dàng chấp nhận thông tin một chiều; không thành kiến khi xem xét, đánh giá vấn đề; biết quan tâm tới các lập luận và minh chứng thuyết phục; sẵn sàng xem xét, đánh giá lại vấn đề.

e) Năng lực thẩm mỹ

Năng lực thẩm mỹ của học sinh bao gồm năng lực âm nhạc, năng lực mỹ thuật, năng lực văn học; mỗi năng lực được thể hiện qua các hoạt động sau đây:

- Nhận thức các yếu tố thẩm mỹ;
- Phân tích, đánh giá các yếu tố thẩm mỹ;

- Tái hiện, sáng tạo và ứng dụng các yếu tố thẩm mỹ.

Yêu cầu cần đạt về năng lực thẩm mỹ đối với học sinh mỗi lớp học, cấp học được quy định trong chương trình các môn Âm nhạc, Mĩ thuật, Ngữ văn và được thực hiện trong chương trình của nhiều môn học, hoạt động giáo dục, phù hợp với đặc điểm của mỗi môn học và hoạt động giáo dục, trong đó ba môn học đã nêu là chủ đạo.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

MÔN MĨ THUẬT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

MỤC LỤC					Trang
I.	ĐẶC	ĐIỂM			MÔN
	HỌC.....			3	
II.	QUAN	ĐIỂM	XÂY	DỤNG	CHƯƠNG
	TRÌNH.....			4	
III.	MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH.....				4
IV.	YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC.....				5
V.	NỘI	DUNG			GIÁO
	DỤC.....			8	LỚP 1
				12	
	LỚP				2
				14	
	LỚP				3
				17	
	LỚP				4
				20	
	LỚP				5
				22	
	LỚP				6
				25	
	LỚP				7
				28	
	LỚP				8
				30	

LỚP	9
.....	34
LỚP	10
.....	37
LỚP	11
.....	46
LỚP	12
.....	56
VI. PHƯƠNG PHÁP	GIÁO
DỤC.....	66
VII. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ	GIÁO
DỤC.....	69
VIII. GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH.....	700

I. ĐẶC ĐIỂM MÔN HỌC

Mĩ thuật là môn học thuộc lĩnh vực giáo dục nghệ thuật. Trong chương trình giáo dục phổ thông, môn Mĩ thuật hình thành, phát triển ở học sinh năng lực mĩ thuật, biểu hiện của năng lực thẩm mĩ trong lĩnh vực mĩ thuật; đồng thời góp phần cùng các môn học và hoạt động giáo dục khác hình thành, phát triển ở học sinh các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung, đặc biệt là giáo dục ý thức kế thừa, phát huy văn hoá nghệ thuật dân tộc phù hợp với sự phát triển của thời đại.

Chương trình môn Mĩ thuật được xây dựng theo cấu trúc tuyến tính và đồng tâm với hai mạch nội dung Mĩ thuật tạo hình và Mĩ thuật ứng dụng; tạo cơ hội cho học sinh được trải nghiệm và vận dụng mĩ thuật vào đời sống; giúp học sinh nhận thức được mối liên hệ giữa mĩ thuật với văn hoá, xã hội, kết nối mĩ thuật với các môn học và hoạt động giáo dục khác; làm tiền đề cho học sinh định hướng nghề nghiệp trong tương lai, cũng như chủ động tham gia các hoạt động văn hoá nghệ thuật và đời sống xã hội.

Nội dung giáo dục mĩ thuật được phân chia theo hai giai đoạn: giai đoạn giáo dục cơ bản và giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp.

– Giai đoạn giáo dục cơ bản: Mĩ thuật là nội dung giáo dục bắt buộc từ lớp 1 đến lớp 9. Chương trình tạo cơ hội cho học sinh làm quen và trải nghiệm kiến thức mĩ thuật thông qua nhiều hình thức hoạt động; hình thành, phát triển ở học sinh khả

năng quan sát và cảm thụ nghệ thuật, nhận thức và biểu đạt thể giới; khả năng cảm nhận và tìm hiểu, thể nghiệm các giá trị văn hoá, thẩm mỹ trong đời sống và nghệ thuật.

– Giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp: Mỹ thuật là môn học được lựa chọn theo nguyện vọng và định hướng nghề nghiệp của học sinh. Nội dung giáo dục mỹ thuật được mở rộng, phát triển kiến thức, kỹ năng mỹ thuật đã hình thành ở giai đoạn giáo dục cơ bản, tiếp cận các nhóm ngành nghề liên quan đến nghệ thuật thị giác và có tính ứng dụng trong thực tiễn; giúp học sinh phát triển tư duy độc lập, khả năng phản biện phân tích và sáng tạo nghệ thuật; hiểu được vai trò và ứng dụng của mỹ thuật trong đời sống; tạo cơ sở cho học sinh được tìm hiểu và có định hướng nghề nghiệp phù hợp với bản thân dựa trên nhu cầu thực tế, thích ứng với xã hội.

II. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình môn Mỹ thuật quán triệt quan điểm và các định hướng được nêu trong Chương trình tổng thể; đồng thời, xuất phát từ đặc điểm môn học, nhấn mạnh một số quan điểm sau:

1. Chương trình môn Mỹ thuật tạo cơ hội cho học sinh tiếp cận văn hoá, nghệ thuật dân tộc và thể giới trên cơ sở vận dụng những kiến thức cơ bản của mỹ thuật, kết hợp với khoa học giáo dục.
2. Chương trình môn Mỹ thuật chọn lọc những kiến thức phù hợp với mục tiêu giáo dục phổ thông, đặc điểm tâm - sinh lý lứa tuổi học sinh và điều kiện dạy học. Thông qua các nội dung, hình thức tổ chức dạy học, trên cơ sở bảo đảm các yêu cầu cần đạt, chương trình được thiết kế linh hoạt, có thể điều chỉnh phù hợp với các nhóm đối tượng học sinh, các cơ sở giáo dục và địa phương. Trong quá trình thực hiện, chương trình thường xuyên được cập nhật, phát triển phù hợp với sự phát triển nghệ thuật và yêu cầu của thực tiễn.

III. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu chung

Chương trình môn Mỹ thuật giúp học sinh hình thành, phát triển năng lực mỹ thuật dựa trên kiến thức và kỹ năng mỹ thuật; nhận thức được mối quan hệ giữa mỹ thuật với đời sống, xã hội và các loại hình nghệ thuật khác; có ý thức trân trọng di sản văn hoá, nghệ thuật và khả năng ứng dụng kiến thức, kỹ năng mỹ thuật vào đời sống; có hiểu biết tổng quát về ngành nghề liên quan đến nghệ thuật thị giác và khả năng định hướng được nghề nghiệp cho bản thân; trải nghiệm và khám phá mỹ thuật thông qua nhiều hình thức hoạt động; góp phần hình thành, phát triển các phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm; các năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

2. Mục tiêu cấp tiểu học

Môn Mỹ thuật giúp học sinh bước đầu hình thành, phát triển năng lực mỹ thuật thông qua các hoạt động trải nghiệm; biết thể hiện cảm xúc, trí tưởng tượng về thể giới xung quanh, từ đó hình thành năng lực giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề và

sáng tạo; bước đầu làm quen, tìm hiểu và cảm nhận vẻ đẹp của sản phẩm, tác phẩm nghệ thuật, hình thành năng lực tự chủ và tự học; góp phần hình thành các phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

3. Mục tiêu cấp trung học cơ sở

Môn Mỹ thuật giúp học sinh tiếp tục hình thành, phát triển năng lực mỹ thuật dựa trên nền tảng kiến thức, kỹ năng mỹ thuật ở cấp tiểu học, thông qua các hoạt động thảo luận, thực hành, trải nghiệm; phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo; có ý thức kế thừa, phát huy các giá trị văn hoá, nghệ thuật truyền thống dân tộc, tiếp cận giá trị thẩm mỹ của thời đại, làm nền tảng cho việc phát triển các phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm; có hiểu biết về mối quan hệ giữa mỹ thuật với đời sống, nuôi dưỡng cảm xúc thẩm mỹ và tình yêu nghệ thuật, phát triển năng lực tự chủ và tự học, có ý thức định hướng nghề nghiệp sau khi kết thúc cấp học.

4. Mục tiêu cấp trung học phổ thông

Môn Mỹ thuật giúp học sinh tiếp tục phát triển năng lực mỹ thuật đã được hình thành ở giai đoạn giáo dục cơ bản và các phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm thông qua nhiều hình thức hoạt động; phát triển tư duy phản biện, khả năng giải quyết vấn đề và sáng tạo, kỹ năng thực hành, giao tiếp và hợp tác; ý thức tôn trọng và phát huy văn hoá, nghệ thuật truyền thống dân tộc, tiếp cận giá nghệ thuật và thành tựu khoa học, công nghệ của thời đại, phát triển năng lực 4 tự chủ và tự học; tăng cường hiểu biết về kiến thức mỹ thuật trong các lĩnh vực ngành nghề có liên quan, bồi dưỡng cảm xúc thẩm mỹ và tình yêu nghệ thuật, có định hướng nghề nghiệp phù hợp với bản thân và nhu cầu xã hội.

IV. YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC

1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

Chương trình môn Mỹ thuật góp phần hình thành và phát triển các phẩm chất chủ yếu và các năng lực chung với các mức độ cụ thể được quy định cho từng cấp học trong Chương trình tổng thể.

2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù

Chương trình môn Mỹ thuật giúp học sinh hình thành và phát triển năng lực mỹ thuật với các thành phần: quan sát và nhận thức thẩm mỹ, sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ, phân tích và đánh giá thẩm mỹ thông qua các biểu hiện sau:

Thành phần năng lực	Cấp tiểu học	Cấp trung học cơ sở	Cấp trung học phổ thông
QUAN SÁT VÀ NHẬN THỨC THẨM MĨ			
<i>Quan sát thẩm mĩ</i>	–Nhận biết được một số yếu tố thẩm mĩ cơ bản trong đời sống và ở sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật. –Nhận biết được một số yếu tố tạo hình ở đối tượng thẩm mĩ. –Nhận biết được dấu hiệu của một số nguyên lí tạo hình ở sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật.	–Nhận biết được yếu tố thẩm mĩ trong đời sống. –Nhận biết được yếu tố, nguyên lí tạo hình ở đối tượng thẩm mĩ. –Nhận biết được giá trị thẩm mĩ ở sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật, di sản văn hóa nghệ thuật.	–Nhận biết được yếu tố thẩm mĩ đặc trưng của một số ngành nghề liên quan đến nghệ thuật thị giác. –Nhận biết được giá trị thẩm mĩ của sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật đặc trưng của một số ngành nghề, liên quan đến nghệ thuật thị giác.

<i>Nhận thức thẩm mỹ</i>	–Bước đầu cảm nhận được vẻ đẹp của đối tượng thẩm mỹ. –Nhận biết được chủ đề của sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật. –Bước đầu nhận biết được giá trị của sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật trong đời sống. –Biết liên tưởng vẻ đẹp của đối tượng thẩm mỹ với thực hành sáng tạo.	–Cảm nhận được vẻ đẹp của đối tượng thẩm mỹ. –Nhận biết được ý tưởng thẩm mỹ của sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật. –Nhận biết được giá trị của sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật trong đời sống. –Biết liên hệ giá trị thẩm mỹ ở sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật, di sản văn hóa nghệ thuật với thực	–Cảm nhận được đặc điểm thẩm mỹ của một số ngành nghề liên quan đến nghệ thuật thị giác. –Nhận biết được ý tưởng thẩm mỹ của sản phẩm, tác phẩm đặc trưng của một số ngành nghề liên quan đến nghệ thuật thị giác. –Nhận biết được giá trị của sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật đặc trưng của một số ngành nghề trong đời sống.
---------------------------------	---	--	--

Thành phần năng lực	Cấp tiểu học	Cấp trung học cơ sở	Cấp trung học phổ thông
		hành sáng tạo.	– Liên hệ được yếu tố thẩm mỹ đặc trưng của một số ngành nghề liên quan đến nghệ thuật thị giác với thực hành, sáng tạo
SÁNG TẠO VÀ ỨNG DỤNG THẨM MỸ			

<i>Sáng tạo thẩm mỹ</i>	–Nêu được ý tưởng thể hiện đối tượng thẩm mỹ ở mức độ đơn giản. –Vận dụng được một số hình thức thực hành, sáng tạo thể hiện ý tưởng thẩm mỹ. –Vận dụng được một số yếu tố, nguyên lí tạo hình trong thực hành sáng tạo ở mức độ đơn giản. –Sử dụng được một số công cụ, thiết bị trong thực hành sáng tạo.	–Nêu được ý tưởng thể hiện đối tượng thẩm mỹ. –Lựa chọn được hình thức thực hành, sáng tạo thể hiện ý tưởng thẩm mỹ. –Vận dụng được một số yếu tố, nguyên lí tạo hình trong thực hành sáng tạo. –Sử dụng được một số công cụ, thiết bị công nghệ trong thực hành sáng tạo.	–Đề xuất được ý tưởng thể hiện đối tượng thẩm mỹ một cách có cơ sở lí luận. –Lựa chọn được hình thức thực hành, sáng tạo thể hiện yếu tố thẩm mỹ đặc trưng của một số ngành nghề liên quan đến nghệ thuật thị giác. –Vận dụng được một số yếu tố, nguyên lí tạo hình trong thực hành, sáng tạo thể hiện yếu tố thẩm mỹ đặc trưng của một số ngành nghề liên quan đến nghệ thuật thị giác. –Phối hợp sử dụng được công cụ, thiết bị công nghệ trong thực hành sáng tạo.
------------------------------------	---	--	--

Thành phần năng lực	Cấp tiểu học	Cấp trung học cơ sở	Cấp trung học phổ thông
------------------------------------	---------------------	----------------------------	--------------------------------

<i>Ứng dụng thẩm mỹ</i>	–Biết thể hiện tính ứng dụng của sản phẩm trong thực hành, sáng tạo ở mức độ đơn giản. –Biết trưng bày, giới thiệu sản phẩm mỹ thuật của cá nhân và nhóm học tập. –Biết vận dụng sản phẩm, tác phẩm nghệ thuật phục vụ cho học tập và đời sống.	–Thể hiện được tính ứng dụng của sản phẩm trong thực hành, sáng tạo. –Biết cách trưng bày, giới thiệu sản phẩm mỹ thuật của cá nhân và nhóm học tập. –Vận dụng được sản phẩm, tác phẩm nghệ thuật phục vụ cho học tập và đời sống.	–Biết cách thể hiện tính ứng dụng của sản phẩm trong thực hành, sáng tạo. –Biết cách truyền thông về sản phẩm mỹ thuật của cá nhân và nhóm học tập. –Vận dụng được ý tưởng thẩm mỹ, khả năng hiện thực hoá ý tưởng thẩm mỹ để sáng tạo sản phẩm nghệ thuật phục vụ cho học tập và đời sống.
PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ THẨM MỸ			
<i>Phân tích thẩm mỹ</i>	–Chia sẻ được cảm nhận về đối tượng thẩm mỹ ở mức độ đơn giản. –Biết tìm hiểu tác giả, sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật. –Mô tả được một số yếu tố, dấu hiệu của nguyên lí tạo hình ở sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật trong thực hành, thảo luận và liên hệ	–Phân tích, chia sẻ được cảm nhận về đối tượng thẩm mỹ. –Biết cách thu thập và trình bày một số thông tin về tác giả, tác phẩm, trường phái, phong cách nghệ thuật. –Mô tả, phân tích được yếu tố, nguyên lí tạo hình ở sản phẩm, tác phẩm, phong cách, trường	–Phân tích được yếu tố thẩm mỹ đặc trưng một số ngành nghề trong thực tiễn, liên quan đến nghệ thuật thị giác. –Biết cách thu thập và trình bày một số thông tin về tác giả, tác phẩm đặc trưng một số ngành nghề liên quan đến nghệ thuật thị giác. – Mô tả, phân tích được giá trị

Thành phần năng lực	Cấp tiểu học	Cấp trung học cơ sở	Cấp trung học phổ thông
	thực tiễn.	phái nghệ thuật trong thực hành, thảo luận và liên hệ thực tiễn.	thẩm mỹ và công năng sử dụng của sản phẩm, tác phẩm đặc trưng của một số ngành nghề liên quan đến nghệ thuật thị giác trong thực tiễn đời sống. – Thể hiện được quan điểm cá nhân trong cảm thụ, phân tích nghệ thuật.
<i>Đánh giá thẩm mỹ</i>	–Bước đầu đánh giá được đối tượng thẩm mỹ thông qua một số yếu tố và nguyên lí tạo hình. –Bước đầu học hỏi được kinh nghiệm thực hành sáng tạo thông qua đánh giá đối tượng thẩm mỹ.	–Đánh giá được đối tượng thẩm mỹ thông qua yếu tố và nguyên lí tạo hình. –Học hỏi được kinh nghiệm thực hành sáng tạo thông qua đánh giá đối tượng thẩm mỹ.	–Đánh giá được một số yếu tố thẩm mỹ thể hiện đặc trưng ngành nghề ở sản phẩm, tác phẩm nghệ thuật thị giác. –Biết vận dụng vào thực tiễn kinh nghiệm thực hành sáng tạo học hỏi được thông qua đánh giá đối tượng thẩm mỹ.

V. NỘI DUNG GIÁO DỤC

1. Nội dung khái quát

a) Nội dung giáo dục cốt lõi

Chương trình môn Mỹ thuật phát triển hai mạch nội dung Mỹ thuật tạo hình và Mỹ thuật ứng dụng, trong đó nền tảng kiến thức cơ bản dựa trên yếu tố và nguyên lí tạo hình. Ở cấp tiểu học, nội dung giáo dục gồm Lí luận và lịch sử mỹ thuật,

Hội hoạ, Đồ hoạ, Điêu khắc, Thủ công; trong đó, nội dung Lí luận và lịch sử mỹ thuật được giới hạn trong phạm vi làm quen với tìm hiểu tác giả, sản phẩm, tác phẩm, di sản văn hóa nghệ thuật và được giới thiệu, lồng ghép trong thực hành, thảo luận mỹ thuật. Ở cấp trung học cơ sở, nội dung giáo dục gồm Lí luận và lịch sử mỹ thuật, Hội hoạ, Đồ hoạ, Điêu khắc, Thiết kế công nghiệp, Thiết kế thời trang, Thiết kế đồ hoạ; trong đó, nội dung Lí luận và lịch sử mỹ thuật được giới hạn trong phạm vi tìm hiểu tác giả, sản phẩm, tác phẩm, di sản văn hóa nghệ thuật và được giới thiệu, lồng ghép trong thực hành, thảo luận mỹ thuật. Ở cấp trung học phổ thông, học sinh mỗi lớp 10, 11, 12 được lựa chọn 04 nội dung trong 10 nội dung bao gồm: Lí luận và lịch sử mỹ thuật, Hội hoạ, Đồ hoạ, Điêu khắc, Thiết kế công nghiệp, Thiết kế thời trang, Thiết kế đồ hoạ, Thiết kế mỹ thuật sân khấu, điện ảnh, Thiết kế mỹ thuật đa phương tiện, Kiến trúc; trong đó, nội dung Lí luận và lịch sử mỹ thuật vừa được thực hiện độc lập vừa bảo đảm lồng ghép trong thực hành, thảo luận mỹ thuật.

b) Phân bố mạch nội dung ở các lớp

Mạch nội dung	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
Lí luận và lịch sử mỹ thuật	+	+	+	+	+	+	+	+	+	×	×	×
Hội hoạ	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×
Đồ hoạ (tranh in)	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×
Điêu khắc	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×
Thủ công	×	×	×	×	×							
Thiết kế công nghiệp						×	×	×	×	×	×	×
Thiết kế đồ hoạ						×	×	×	×	×	×	×
Thiết kế thời trang						×	×	×	×	×	×	×
Thiết kế mỹ thuật sân khấu, điện ảnh										×	×	×
Mạch nội dung	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
Thiết kế mỹ thuật đa phương tiện										×	×	×
Kiến trúc										×	×	×

Kí hiệu “x”: nội dung giáo dục độc lập.

Kí hiệu “+”: nội dung giáo dục được lồng ghép trong thực hành, thảo luận mỹ thuật.

2. Chuyên đề học tập

Chuyên đề học tập ở cấp trung học phổ thông là nội dung giáo dục lựa chọn, dành cho những học sinh yêu thích và có thiên hướng mỹ thuật. Mỗi năm học, học sinh được lựa chọn 3 chuyên đề với tổng thời lượng 35 tiết. Nội dung các chuyên đề phân bố ở các lớp như sau:

Nội dung	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
Chuyên đề 10.1: Thực hành vẽ hình họa 1	×		
Chuyên đề 10.2: Thực hành vẽ trang trí 1	×		
Chuyên đề 10.3: Thực hành vẽ tranh bố cục 1	×		
Chuyên đề 11.1: Thực hành vẽ hình họa 2		×	
Chuyên đề 11.2: Thực hành vẽ trang trí 2		×	
Chuyên đề 11.3: Thực hành vẽ tranh bố cục 2		×	
Chuyên đề 12.1: Thực hành hình họa 3			×
Nội dung	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
Chuyên đề 12.2: Thực hành vẽ trang trí 3			×
Chuyên đề 12.3: Thực hành vẽ tranh bố cục 3			×

3. Yêu cầu cần đạt và nội dung cụ thể ở các lớp LỚP1

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
MĨ THUẬT TẠO HÌNH	
<i>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</i> – Biết được mỹ thuật có ở xung quanh. –Biết được một số đồ dùng, màu vẽ và vật liệu sẵn có để thực hành, sáng tạo. –Nhận biết được yếu tố tạo hình: chấm, nét, hình, khối, màu sắc.	<i>Yếu tố và nguyên lí tạo hình</i> Lựa chọn, kết hợp: <i>Yếu tố tạo hình</i> ——Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian. <i>Nguyênlí tạo hình</i> ——Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà.
<i>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</i> – Đọc được tên một số màu trong thực hành, sáng tạo. – Tạo được chấm bằng nhiều cách khác nhau, biết sử dụng chấm trong tạo hình và trang trí sản phẩm.	<i>Thể loại</i> Lựa chọn, kết hợp:

– Tạo được một số loại nét khác nhau, biết sử dụng nét để mô phỏng đối tượng. – Tạo được hình, khối dạng cơ bản. – Sử dụng được vật liệu sẵn có để thực hành, sáng tạo.	– Lí luận và lịch sử mỹ thuật – Hội hoạ – Đồ hoạ (tranh in)
---	---

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
– Sắp xếp được sản phẩm của cá nhân tạo thành sản phẩm nhóm học tập. –Biết cách sử dụng, bảo quản một số vật liệu, chất liệu thông dụng như màu vẽ, đất nặn, giấy màu,... trong thực hành, sáng tạo. <i>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</i> –Trung bày và nêu được tên sản phẩm, chia sẻ cảm nhận về sản phẩm của cá nhân, của bạn bè. –Nêu được tên một số màu; bước đầu mô tả, chia sẻ được cảm nhận về hình ảnh chính ở sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật.	– Điều khắc <i>Hoạt động thực hành và thảo luận</i> <i>Thực hành</i> – Thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật 2D. – Thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật 3D. <i>Thảo luận</i> Lựa chọn, kết hợp: – Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật. – Sản phẩm thực hành của học sinh. <i>Định hướng chủ đề</i> Lựa chọn, kết hợp: – Thiên nhiên; Con người; Gia đình; Nhà trường.
MĨ THUẬT ỨNG DỤNG	
<i>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</i> –Nêu được tên một số công cụ, vật liệu để thực hành, sáng tạo. –Nhận biết được yếu tố tạo hình: chấm, nét, hình, khối, màu ở sản phẩm thủ công. <i>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</i> –Biết cách sử dụng công cụ phù hợp với vật liệu và an toàn trong thực hành, sáng tạo.	<i>Yếu tố và nguyên lí tạo hình</i> Lựa chọn, kết hợp: <i>Yếu tố tạo hình</i> –Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian. <i>Nguyênlí tạo hình</i> –Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà.

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
– Thực hiện được các bước trong thực hành tạo ra sản phẩm. – Vận dụng được nét để tạo nên sản phẩm. – Tạo được sản phẩm từ vật liệu dạng hình, khối. –Sử dụng được chấm, nét, màu sắc khác nhau để trang trí sản phẩm. <i>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</i> – Trưng bày, chia sẻ được cảm nhận về sản phẩm. –Biết chia sẻ ý định sử dụng sản phẩm và bảo quản một số đồ dùng học tập.	<i>Thế loại:</i> Thủ công Lựa chọn, kết hợp: – Đồ thủ công bằng vật liệu tự nhiên. – Đồ thủ công bằng vật liệu nhân tạo. – Đồ thủ công bằng vật liệu sưu tầm, tái sử dụng. <i>Hoạt động thực hành và thảo luận</i> <i>Thực hành</i> – Thực hành sáng tạo sản phẩm thủ công 2D. – Thực hành sáng tạo sản phẩm thủ công 3D. <i>Thảo luận</i> Lựa chọn, kết hợp: – Sản phẩm thủ công. – Sản phẩm thực hành của học sinh. <i>Định hướng chủ đề</i> Lựa chọn, kết hợp: – Đồ chơi, đồ dùng học tập.

LỚP2

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
MĨ THUẬT TẠO HÌNH	

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
-----------------	----------

<i>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</i> – Nhận biết và đọc được tên các màu cơ bản. – Nhận biết được yếu tố tạo hình: chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt. – Biết xác định nội dung chủ đề và lựa chọn công cụ, vật liệu để thực hành. <i>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</i> – Sử dụng được công cụ phù hợp với vật liệu sẵn có trong thực hành, sáng tạo. – Tạo được nét bằng các hình thức khác nhau, sử dụng nét mô phỏng đối tượng và trang trí sản phẩm. – Sử dụng được các màu cơ bản; màu đậm, màu nhạt trong thực hành, sáng tạo. – Tạo được sản phẩm có dạng hình, khối cơ bản. – Biết vận dụng tính chất lặp lại, nhịp điệu của chấm, nét hoặc hình, màu trong thực hành, sáng tạo. – Thể hiện được sự hiểu biết ban đầu về bản in trong thực hành, sáng tạo. – Biết giữ vệ sinh trường, lớp, đồ dùng học tập,... trong thực hành, sáng tạo. <i>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</i> – Trưng bày, giới thiệu, chia sẻ được cảm nhận về sản phẩm.	<i>Yếu tố và nguyên lý tạo hình</i> Lựa chọn, kết hợp: <i>Yếu tố tạo hình</i> – Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, ch gian. <i>Nguyên lý tạo hình</i> – Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, ít cảm, không chuyển động, tỉ lệ, hài hoà. <i>Thể loại</i> Lựa chọn, kết hợp: – Lí luận và lịch sử mỹ thuật – Hội hoạ – Đồ hoạ (tranh in) – Điêu khắc <i>Hoạt động thực hành và thảo luận</i> <i>Thực hành</i> – Thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật 2D. – Thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật 3D. <i>Thảo luận</i> Lựa chọn, kết hợp: – Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, di sản văn hoá ng hệ thuật.
--	--

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
– Nhận ra được cùng một chủ đề có thể sử dụng chất liệu hoặc hình thức tạo hình khác nhau.	– Sản phẩm thực hành của học sinh. <i>Định hướng chủ đề</i> Lựa chọn, kết hợp: – Thiên nhiên; Con người; Gia đình; Nhà trường; Xã hội.
MĨ THUẬT ỨNG DỤNG	

<i>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</i> – Nhận biết được đặc điểm của một số sản phẩm thủ công. –Lựa chọn được đối tượng làm hình mẫu để thực hành sáng tạo. <i>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</i> – Biết kết hợp vẽ, cắt, xé dán,... trong thực hành, sáng tạo. –Tạo được sản phẩm có sự lặp lại của hình, khối dạng cơ bản. – Thể hiện được màu đậm, màu nhạt ở sản phẩm. –Biết vận dụng tính chất lặp lại, nhịp điệu của chấm, nét hoặc hình, màu trong thực hành, sáng tạo. – Biết cách bảo quản sản phẩm và công cụ thực hành. <i>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</i> – Biết trưng bày sản phẩm ở trong hoặc ngoài lớp học. –Trả lời được các câu hỏi: Sản phẩm dùng để làm gì? Dùng như thế nào?	<i>Yếu tố và nguyên lí tạo hình</i> Lựa chọn, kết hợp: <i>Yếu tố tạo hình</i> –Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian. <i>Nguyênlí tạo hình</i> –Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà. <i>Thể loại:</i> Thủ công Lựa chọn, kết hợp: – Đồ thủ công bằng vật liệu tự nhiên. – Đồ thủ công bằng vật liệu nhân tạo. – Đồ thủ công bằng vật liệu sưu tầm, tái sử dụng. <i>Hoạt động thực hành và thảo luận</i> <i>Thực hành</i> – Thực hành sáng tạo sản phẩm thủ công 2D.
Yêu cầu cần đạt	Nội dung
	– Thực hành sáng tạo sản phẩm thủ công 3D. <i>Thảo luận</i> Lựa chọn, kết hợp: – Sản phẩm thủ công. – Sản phẩm thực hành của học sinh. <i>Định hướng chủ đề</i> Lựa chọn, kết hợp: – Đồ chơi, đồ dùng học tập, đồ dùng cá nhân.

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
MĨ THUẬT TẠO HÌNH	
<i>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</i> – Nhận biết được yếu tố tạo hình: chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt. – Biết phân biệt màu cơ bản và màu thứ cấp. – Biết liên hệ nội dung chủ đề với hình ảnh trong thực tiễn. <i>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</i> – Tạo được màu thứ cấp và đọc được tên các màu đó trong thực hành, sáng tạo.	<i>Yếu tố và nguyên lí tạo hình</i> Lựa chọn, kết hợp: <i>Yếu tố tạo hình</i> – Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian. <i>Nguyên lí tạo hình</i> – Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà.
Yêu cầu cần đạt	Nội dung
– Vận dụng được đậm, nhạt của chấm, nét để trang trí sản phẩm. – Biết vận dụng sự tương phản của hình, khối dạng cơ bản để mô phỏng đối tượng. – Tạo được cảm giác bề mặt chất liệu ở sản phẩm, như: mịn, mềm, thô ráp,... – Tạo được sự biểu đạt hình động cho sản phẩm. – Thể hiện được chi tiết, hình ảnh làm trọng tâm ở sản phẩm. – Phân biệt được vẽ, in và nặn trong thực hành, sáng tạo. <i>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</i> –Trưng bày, trao đổi, chia sẻ được cảm nhận về sản phẩm và ý tưởng vận dụng. –Biết mô tả, chia sẻ cảm nhận về tác phẩm mỹ thuật ở mức độ đơn giản.	<i>Thể loại</i> Lựa chọn, kết hợp: – Lí luận và lịch sử mỹ thuật – Hội hoạ – Đồ hoạ (tranh in) – Điêu khắc <i>Hoạt động thực hành và thảo luận</i> <i>Thực hành</i> – Thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật 2D. – Thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật 3D. <i>Thảo luận</i> Lựa chọn, kết hợp: – Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật. – Sản phẩm thực hành của học sinh. <i>Định hướng chủ đề</i> Lựa chọn, kết hợp: – Thiên nhiên; Con người; Gia đình; Nhà trường; Xã hội; Quê hương.

MĨ THUẬT ỨNG DỤNG	
<i>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</i> – Hiểu được một số thao tác, công đoạn cơ bản để làm nên	<i>Yếu tố và nguyên lý tạo hình</i> Lựa chọn, kết hợp:

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
sản phẩm. – Nhận biết được tính chất tương phản của hình, khối ở sản phẩm thủ công. <i>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</i> – Tạo được sản phẩm có sự tương phản của hình, khối dạng cơ bản. – Tạo được màu đậm, màu nhạt ở sản phẩm bằng vật liệu sẵn có. – Thể hiện được chi tiết hoặc hình ảnh trọng tâm ở sản phẩm. – Vận dụng được sự khác nhau của chấm, đường hướng của nét để trang trí sản phẩm. – Tạo được cảm giác bề mặt chất liệu ở sản phẩm. <i>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</i> – Trưng bày, giới thiệu được sản phẩm, chia sẻ mục đích sử dụng. – Biết phân biệt vật liệu tự nhiên, vật liệu nhân tạo ở sản phẩm thủ công.	<i>Yếu tố tạo hình</i> – Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian. <i>Nguyên lý tạo hình</i> – Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà. <i>Thể loại:</i> Thủ công Lựa chọn, kết hợp: – Đồ thủ công bằng vật liệu tự nhiên. – Đồ thủ công bằng vật liệu nhân tạo. – Đồ thủ công bằng vật liệu sưu tầm, tái sử dụng. <i>Hoạt động thực hành và thảo luận</i> <i>Thực hành</i> – Thực hành sáng tạo sản phẩm thủ công 2D. – Thực hành sáng tạo sản phẩm thủ công 3D <i>Thảo luận</i> Lựa chọn, kết hợp: – Sản phẩm thủ công. – Sản phẩm thực hành của học sinh. <i>Định hướng chủ đề</i> Lựa chọn, kết hợp:
Yêu cầu cần đạt	Nội dung
	– Đồ chơi, đồ dùng học tập, đồ dùng cá nhân, đồ lưu niệm.

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
MĨ THUẬT TẠO HÌNH	
<i>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</i> – Nhận biết được yếu tố tạo hình: chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian. – Nhận biết được màu nóng, màu lạnh; không gian xa, gần. –Xác định được nội dung chủ đề và hình thức thực hành, sáng tạo. <i>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</i> – Phối hợp được một số kĩ năng: cắt, xé, dán, vẽ, in, ghép, nặn, uốn,... trong thực hành, sáng tạo. – Vận dụng được độ đậm nhạt, nóng lạnh của màu trong thực hành, sáng tạo. – Tạo được mật độ khác nhau của chấm, nét ở sản phẩm. – Vận dụng được sự biến thể của hình, khối cơ bản để mô phỏng đối tượng. – Thể hiện được khoảng cách, vị trí khác nhau cho các yếu tố	<i>Yếu tố và nguyên lí tạo hình</i> Lựa chọn, kết hợp: <i>Yếu tố tạo hình</i> – Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian. <i>Nguyên lí tạo hình</i> – Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà. <i>Thể loại</i> Lựa chọn, kết hợp: – Lí luận và lịch sử mỹ thuật – Hội hoạ – Đồ hoạ (tranh in) – Điêu khắc <i>Hoạt động thực hành và thảo luận</i>

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
tạo hình ở sản phẩm. – Tạo được sự khác nhau về cảm giác bề mặt chất liệu ở sản phẩm. – Thể hiện sự hiểu biết về hài hòa của yếu tố tạo hình trong thực hành, sáng tạo. <i>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</i> – Vận dụng được ngôn ngữ nói hoặc viết, biểu đạt cơ thể, diễn hoạt hình ảnh động, xây dựng câu chuyện,... để giới thiệu sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật. –Nhận biết chủ đề của sản phẩm, tác phẩm; bước đầu biết đặt câu hỏi, trả lời và trao đổi để tìm hiểu tác giả, tác phẩm mỹ thuật.	<i>Thực hành</i> – Tạo sản phẩm mỹ thuật 2D. – Tạo sản phẩm mỹ thuật 3D. <i>Thảo luận</i> Lựa chọn, kết hợp: – Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật. – Sản phẩm thực hành của học sinh. <i>Định hướng chủ đề</i> Lựa chọn, kết hợp: –Thiên nhiên; Con người; Gia đình; Nhà trường; Xã hội; Quê hương; Đất nước.
MĨ THUẬT ỨNG DỤNG	

<i>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</i> - Nhận biết được cấu trúc tỉ lệ và công dụng của một số sản phẩm thủ công, liên hệ ở địa phương. - Xác định được mục đích, đối tượng sáng tạo cho sản phẩm cá nhân, sản phẩm nhóm. <i>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</i> - Phối hợp được một số kĩ năng: cắt, dán, xếp, gấp, vẽ,... trong thực hành, sáng tạo. - Tạo được sản phẩm có sự biến thể từ hình, khối cơ bản.	<i>Yếu tố và nguyên lí tạo hình</i> Lựa chọn, kết hợp: <i>Yếu tố tạo hình</i> - Châm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian. <i>Nguyên lí tạo hình</i> - Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà.
Yêu cầu cần đạt	Nội dung
- Vận dụng được mật độ, khoảng cách của chấm, của nét để trang trí sản phẩm. - Biết phối hợp vật liệu khác nhau để tạo màu, tạo chất ở sản phẩm. - Bước đầu thể hiện được sự hài hòa về cấu trúc tỉ lệ cho sản phẩm. <i>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</i> - Lựa chọn, xác định được vị trí trưng bày sản phẩm. - Biết giới thiệu quá trình hoặc thao tác thực hành tạo ra sản phẩm, thể hiện học hỏi kinh nghiệm và tôn trọng chia sẻ của bạn bè.	<i>Thể loại:</i> Thủ công Lựa chọn, kết hợp: - Đồ thủ công bằng vật liệu tự nhiên. - Đồ thủ công bằng vật liệu nhân tạo. - Đồ thủ công bằng vật liệu sưu tầm, tái sử dụng. <i>Hoạt động thực hành và thảo luận</i> <i>Thực hành</i> - Thực hành sáng tạo sản phẩm thủ công 2D. – Thực hành sáng tạo sản phẩm thủ công 3D. <i>Thảo luận</i> Lựa chọn, kết hợp: - Sản phẩm thủ công. - Sản phẩm thực hành của học sinh. <i>Định hướng chủ đề</i> Lựa chọn, kết hợp: - Đồ chơi, đồ dùng học tập, đồ dùng cá nhân, đồ lưu niệm, đồ gia dụng.

LỚP5

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
Yêu cầu cần đạt	Nội dung

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
<i>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</i> –Lựa chọn được hình thức giới thiệu, biết mô tả yếu tố tạo hình ở sản phẩm; biết tự đánh giá hoạt động thực hành, thảo luận. –Bước đầu biết sử dụng một số yếu tố, nguyên lí tạo hình để chia sẻ cảm nhận về sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật.	– Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật. – Sản phẩm thực hành của học sinh. <i>Định hướng chủ đề</i> Lựa chọn, kết hợp: –Thiên nhiên; Con người; Gia đình; Nhà trường; Xã hội; Quê hương; Đất nước; Thế giới.
MĨ THUẬT ỨNG DỤNG	
<i>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</i> –Nhận biết được yếu tố và dấu hiệu của nguyên lí tạo hình ở sản phẩm thủ công. –Phân biệt được vật liệu tự nhiên, vật liệu nhân tạo, vật liệu suu tầm, tái sử dụng ở sản phẩm thủ công. <i>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</i> – Xác định được đối tượng thể hiện, mục đích sáng tạo. –Làm được sản phẩm dựa trên đặc điểm của sản phẩm thủ công mỹ nghệ. – Biết sử dụng yếu tố tạo hình làm trọng tâm ở sản phẩm. –Lựa chọn, phối hợp được các vật liệu khác nhau để làm nên sản phẩm. –Biết vận dụng dấu hiệu của một số nguyên lí tạo hình như cân bằng, tương phản hoặc lặp lại, nhịp điệu,... trong thực	<i>Yếu tố và nguyên lí tạo hình</i> Lựa chọn, kết hợp: <i>Yếu tố tạo hình</i> –Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian. <i>Nguyên lí tạo hình</i> –Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà. <i>Thể loại:</i> Thủ công Lựa chọn, kết hợp: – Đồ thủ công bằng vật liệu tự nhiên. – Đồ thủ công bằng vật liệu nhân tạo. – Đồ thủ công bằng vật liệu suu tầm, tái sử dụng. <i>Hoạt động thực hành và thảo luận</i>
Yêu cầu cần đạt	Nội dung
hành, sáng tạo. <i>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</i> – Lựa chọn, thực hiện được hình thức giới thiệu sản phẩm.	<i>Thực hành</i> – Thực hành sáng tạo sản phẩm thủ công 2D. – Thực hành sáng tạo sản phẩm thủ công 3D.

– Chia sẻ điều học hỏi được trong trưng bày, thảo luận và đánh giá sản phẩm.	<i>Thảo luận</i> Lựa chọn, kết hợp: – Sản phẩm thủ công. – Sản phẩm thực hành của học sinh. <i>Định hướng chủ đề</i> Lựa chọn, kết hợp: – Đồ chơi, đồ dùng học tập, đồ dùng cá nhân, đồ lưu niệm, đồ gia dụng, đồ trang trí nội thất.
--	---

LỚP6

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
MĨ THUẬT TẠO HÌNH	
<i>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</i> – Xác định được nội dung chủ đề. –Nhận biết đặc điểm cơ bản của thể loại Hội hoạ, Đồ hoạ, Điêu khắc. – Nhận biết được nguyên lí tạo hình: cân bằng, tương phản.	<i>Yếu tố và nguyên lí tạo hình</i> Lựa chọn, kết hợp: <i>Yếu tố tạo hình</i> – Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian.
Yêu cầu cần đạt	Nội dung

– Nêu được các bước thực hành, sáng tạo. Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ: –Biết vận dụng giá trị thẩm mỹ của di sản văn hoá nghệ thuật vào thực hành sáng tạo. –Vận dụng được nguyên lí cân bằng, tương phản và một số yếu tố tạo hình vào thực hành sáng tạo. –Biết cách sử dụng một số chất liệu trong thực hành, sáng tạo. – Biết ứng dụng sản phẩm vào thực tế cuộc sống. Phân tích và đánh giá thẩm mỹ: – Nhận xét, đánh giá được sản phẩm cá nhân, nhóm. – Biết đặt câu hỏi, trả lời và trao đổi về tác giả, tác phẩm. – Phân tích được vẻ đẹp của tác phẩm mỹ thuật. –Hiểu được mối liên hệ giữa mỹ thuật với một số môn học, hoạt động giáo dục khác.	<i>Nguyên lí tạo hình</i> –Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà. Thể loại Lựa chọn, kết hợp: – Lí luận và lịch sử mỹ thuật – Hội hoạ – Đồ hoạ (tranh in) – Điêu khắc Hoạt động thực hành và thảo luận nhấn mạnh, <i>Thực hành</i> – Thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật 2D. – Thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật 3D. <i>Thảo luận</i> – Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, di sản văn hoá ng – Sản phẩm thực hành của học sinh. Định hướng chủ đề Lựa chọn, kết hợp: – Văn hoá, xã hội – Nghệ thuật Tiền sử và Cổ đại Việt Nam, hệ thuật. thế giới.
MĨ THUẬT ỨNG DỤNG	

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
------------------------	-----------------

<i>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</i> – Xác định được mục đích sử dụng của sản phẩm. –Phân biệt được giá trị thẩm mỹ và công năng sử dụng của sản phẩm thiết kế. –Chỉ ra được các bước cơ bản trong thực hành, sáng tạo sản phẩm. –Xác định được các loại vật liệu phù hợp để tạo nên sản phẩm. <i>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</i> –Vận dụng được nguyên lí cân bằng, tương phản của một số yếu tố tạo hình vào thiết kế sản phẩm. –Sáng tạo từ những đồ vật, vật liệu sẵn có thành sản phẩm mới. –Vận dụng được một số giá trị thẩm mỹ từ di sản văn hoá nghệ thuật vào thiết kế sản phẩm. – Biết cách trưng bày sản phẩm cá nhân, nhóm. <i>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</i> –Nhận xét, đánh giá được sản phẩm cá nhân, sản phẩm nhóm học tập. –Biết đặt câu hỏi, trả lời, trao đổi về sản phẩm và học hỏi kinh nghiệm thực hành trong đánh giá. – Phân tích được giá trị thẩm mỹ của sản phẩm thiết kế.	<i>Yếu tố và nguyên lí tạo hình</i> Lựa chọn, kết hợp: <i>Yếu tố tạo hình</i> –Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, ch gian. <i>Nguyên lí tạo hình</i> –Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, ắt cảm, không chuyên động, tỉ lệ, hài hoà. <i>Thể loại</i> Lựa chọn, kết hợp: – Lí luận và lịch sử mỹ thuật – Thiết kế công nghiệp – Thiết kế đồ hoạ – Thiết kế thời trang <i>Hoạt động thực hành và thảo luận</i> <i>Thực hành</i> – Thực hành sáng tạo sản phẩm thiết kế 2D. – Thực hành sáng tạo sản phẩm thiết kế 3D. <i>Thảo luận</i> – Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, sản phẩm, di sản văn ho – Sản phẩm thực hành của học sinh. ết nghệ thuật.
Yêu cầu cần đạt	Nội dung
– Hiểu được tính ứng dụng của sản phẩm thiết kế.	<i>Định hướng chủ đề</i> Lựa chọn, kết hợp: – Văn hoá, xã hội – Nghệ thuật Tiền sử và Cổ đại Việt Nam, thế giới.

LỚP7

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
MĨ THUẬT TẠO HÌNH	
<i>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</i>	<i>Yếu tố và nguyên lí tạo hình</i>

– Xác định được mục đích sáng tạo sản phẩm. – Nhận biết được giá trị thẩm mỹ của một số trường phái nghệ thuật. – Phân biệt được sự mô phỏng lại và lặp lại trên sản phẩm, tác phẩm. – Xây dựng được kế hoạch học tập sát với quá trình thực hành sáng tạo. Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ: – Xác định, diễn tả được nguồn sáng và đối tượng được chiếu sáng. – Mô phỏng lại được “mẫu” (đối tượng nghệ thuật) đúng trình	Lựa chọn, kết hợp: <i>Yếu tố tạo hình</i> – Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chấ không gian. <i>Nguyên lí tạo hình</i> – Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu,nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà. Thể loại Lựa chọn, kết hợp: – Lí luận và lịch sử mỹ thuật – Hội hoạ
Yêu cầu cần đạt	Nội dung
tự và phương pháp. – Vận dụng được nhịp điệu của đường nét, hoa văn, hoạ tiết,... vào sáng tạo sản phẩm. – Vận dụng được giá trị thẩm mỹ của nghệ thuật truyền thống vào thực hành, sáng tạo. Phân tích và đánh giá thẩm mỹ: – Lựa chọn được hình thức giới thiệu, không gian trưng bày sản phẩm. – Sử dụng được thuật ngữ chuyên môn để mô tả tác phẩm mỹ thuật. – Chỉ ra được vai trò của tác phẩm hội hoạ, đồ hoạ trong không gian nội thất. – Phân biệt được một số chất liệu trong hội hoạ và đồ hoạ.	– Đồ hoạ (tranh in) – Điêu khắc Hoạt động thực hành và thảo luận <i>Thực hành</i> – Thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật 2D. – Thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật 3D. <i>Thảo luận</i> – Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, di sản văn hoá nghệ – Sản phẩm thực hành của học sinh. Định hướng chủ đề Lựa chọn, kết hợp: – Văn hoá, xã hội. – Nghệ thuật Trung đại Việt Nam và thế giới.
MĨ THUẬT ỨNG DỤNG	thuyết.

<i>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</i> – Nêu được tính chất biểu tượng của logo thương hiệu. –Xác định được phong cách chủ đạo, ngôn ngữ thiết kế sử dụng trong sản phẩm, tác phẩm. – Biết được một số kĩ thuật cơ bản tạo nên sản phẩm. –Biết chọn lọc giá trị thẩm mỹ của nghệ thuật truyền thống cho ý tưởng thiết kế.	<i>Yếu tố và nguyên lí tạo hình</i> Lựa chọn, kết hợp: <i>Yếu tố tạo hình</i> –Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian. <i>Nguyên lí tạo hình</i> – Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh,
--	--

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
<i>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</i> –Sao chép, mô phỏng và phát triển được sản phẩm dựa theo mẫu có sẵn. –Vận dụng được tính chất lặp lại của hình ảnh, chữ,... vào thiết kế sản phẩm. –Vận dụng được nhịp điệu của hoa văn, họa tiết vào thiết kế sản phẩm. – Cải tiến, tái chế được công cụ, phương tiện và vật liệu. <i>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</i> –Hoàn thiện được sản phẩm sẵn sàng cho việc trưng bày hoặc triển lãm, bán hàng. – Phân tích được ý tưởng thẩm mỹ của sản phẩm, tác phẩm. –Hiểu được sự phù hợp của sản phẩm với những đối tượng sử dụng khác nhau. –Phân tích được vai trò của thị hiếu thẩm mỹ với nhu cầu sử dụng sản phẩm thiết kế.	chuyển động, tỉ lệ, hài hoà. <i>Thể loại</i> Lựa chọn, kết hợp: – Lí luận và lịch sử mỹ thuật – Thiết kế công nghiệp – Thiết kế đồ hoạ – Thiết kế thời trang <i>Hoạt động thực hành và thảo luận</i> <i>Thực hành</i> – Thực hành sáng tạo sản phẩm thiết kế 2D. – Thực hành sáng tạo sản phẩm thiết kế 3D. <i>Thảo luận</i> –Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, sản phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật. – Sản phẩm thực hành của học sinh. <i>Định hướng chủ đề</i> Lựa chọn, kết hợp: – Văn hoá, xã hội.

	– Nghệ thuật Trung đại Việt Nam và thế giới.
--	--

LỚP8

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
MĨ THUẬT TẠO HÌNH	

<i>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</i> – Thu thập được tư liệu,tài liệu,... cho việc thực hiện sản phẩm. –Phân biệt được tính tượng trưng, tính biểu tượng trong tác phẩm mỹ thuật. –Phân biệt được yếu tố chính, phụ, trung gian,... ở sản phẩm, tác phẩm. –Lựa chọn được công cụ, phương tiện và vật liệu để thực hành, sáng tạo. <i>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</i> –Vận dụng được phong cách, bút pháp của một số trường phái nghệ thuật vào thực hành sáng tạo. –Xác định và thể hiện được điểm nhấn trong thực hành, sáng tạo. –Thể hiện được phương hướng chuyển động của yếu tố tạo hình ở sản phẩm. –Vận dụng được yếu tố văn hoá nghệ thuật truyền thống của một số dân tộc ít người vào thực hành, sáng tạo. <i>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</i> –Tóm tắt được vài nét về cuộc đời và sự nghiệp của một số nghệ sĩ nổi tiếng Việt Nam và thế giới. – Nhận định được tiến trình phát triển của một số phong cách,	<i>Yếu tố và nguyên lí tạo hình</i> Lựa chọn, kết hợp: <i>Yếu tố tạo hình</i> –Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, ch gian. <i>Nguyên lí tạo hình</i> ắt cảm, không –Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà. <i>Thể loại</i> nhấn mạnh, Lựa chọn, kết hợp: – Lí luận và lịch sử mỹ thuật – Hội hoạ – Đồ hoạ (tranh in) – Điêu khắc <i>Hoạt động thực hành và thảo luận</i> <i>Thực hành</i> – Thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật 2D. – Thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật 3D. <i>Thảo luận</i> hệ thuật.
---	--

	– Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, di sản văn hoá ng
--	---

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
trào lưu, trường phái nghệ thuật (Ấn tượng, Lập thể, Biểu hiện,...). –Phân tích, so sánh được sự tương đồng và khác biệt giữa hai tác phẩm cùng phong cách, trường phái. –Trình bày được quan điểm cá nhân về sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật.	– Sản phẩm thực hành của học sinh. <i>Định hướng chủ đề</i> Lựa chọn, kết hợp: – Văn hoá, xã hội. – Nghệ thuật Hiện đại Việt Nam và thế giới.
MĨ THUẬT ỨNG DỤNG	

<i>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</i> –Xác định được ý tưởng sáng tạo phù hợp với mục đích sử dụng. –Nhận biết và hiểu được tính tượng trưng, tính biểu tượng của sản phẩm, tác phẩm thiết kế. –Nhận biết được tác động của khoa học kỹ thuật đối với ngành nghề thiết kế. – Nêu được ý tưởng cải tiến, thiết kế sản phẩm, tác phẩm. <i>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</i> –Vận dụng được chi tiết hình ảnh làm trọng tâm cho sản phẩm. –Thể hiện được phương hướng chuyển động của hoa văn, họa tiết ở sản phẩm. –Sử dụng được màu sắc tự thân của vật liệu để thiết kế, trang trí sản phẩm.	<i>Yếu tố và nguyên lý tạo hình</i> Lựa chọn, kết hợp: <i>Yếu tố tạo hình</i> –Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian. <i>Nguyên lý tạo hình</i> –Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà. <i>Thể loại</i> Lựa chọn, kết hợp: – Lí luận và lịch sử mỹ thuật – Thiết kế công nghiệp – Thiết kế đồ hoạ – Thiết kế thời trang
---	--

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
------------------------	-----------------

– Biết vận dụng yếu tố văn hoá nghệ thuật truyền thống của một số dân tộc ít người vào thiết kế sản phẩm. <i>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</i> –Giải thích được tính phổ biến của hình ảnh thương hiệu trong sự phát triển sản phẩm. –Phân tích, so sánh được sự tương đồng và khác biệt giữa hai sản phẩm, tác phẩm thiết kế cùng thể loại, mục đích. –Phân tích được giá trị thẩm mỹ, công năng, tiện ích của sản phẩm, tác phẩm thiết kế; biết rút kinh nghiệm cho thực hành, sáng tạo. –Nhận định được đời sống văn hoá xã hội thông qua hình ảnh trên di sản văn hoá nghệ thuật.	<i>Hoạt động thực hành và thảo luận</i> <i>Thực hành</i> – Thực hành sáng tạo sản phẩm thiết kế 2D. – Thực hành sáng tạo sản phẩm thiết kế 3D. <i>Thảo luận</i> – Tìm hiểu tác giả, sản phẩm, tác phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật. – Sản phẩm thực hành của học sinh. <i>Định hướng chủ đề</i> Lựa chọn, kết hợp: – Văn hoá, xã hội. – Nghệ thuật thiết kế Hiện đại Việt Nam và thế giới.
CHỦ ĐỀ: HƯỚNG NGHIỆP	
<i>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</i> –Liệt kê được một số ngành nghề liên quan đến mỹ thuật tạo hình. –Nêu được yếu tố đặc trưng của một số ngành nghề liên quan đến mỹ thuật tạo hình. <i>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</i> –Viết được một bài luận hoặc làm một đoạn Video clip,... giới thiệu ngành nghề liên quan đến mỹ thuật tạo hình.	<i>Hoạt động thực hành và thảo luận</i> <i>Thực hành</i> Lựa chọn, kết hợp – Tìm hiểu ngành nghề liên quan đến mỹ thuật tạo hình. - Thực hành, sáng tạo sản phẩm mỹ thuật tạo hình. <i>Thảo luận</i> Lựa chọn, kết hợp – Một số ngành nghề liên quan đến mỹ thuật tạo hình.

– Thể hiện được kiến thức, kĩ năng liên môn thông qua sản phẩm cụ thể.	
Yêu cầu cần đạt	Nội dung
<i>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</i> – Hiểu được vai trò của mỹ thuật trong đời sống văn hoá xã hội. – Nhận định được lĩnh vực chuyên ngành phù hợp với sở thích cá nhân.	– Sản phẩm thực hành của học sinh. <i>Định hướng chủ đề:</i> Mỹ thuật tạo hình và ngành nghề.

LỚP9

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
MĨ THUẬT TẠO HÌNH	
<i>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</i> – Tiếp cận và cập nhật được một số trào lưu nghệ thuật đương đại. – Nhận biết được sự hài hoà về tỉ lệ của các yếu tố tạo hình. – Xác định được bố cục khuôn hình (cắt cảnh) trong thực hành sáng tạo. – Biết liên tưởng cảm hứng cá nhân với ý tưởng sáng tạo. <i>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</i> – Vận dụng được hình ảnh từ thực tiễn đời sống vào thực hành sáng tạo.	<i>Yếu tố và nguyên lí tạo hình</i> Lựa chọn, kết hợp: <i>Yếu tố tạo hình</i> – Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian. <i>Nguyên lí tạo hình</i> – Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà. <i>Thể loại</i> Lựa chọn, kết hợp:

– Mô phỏng được hình ảnh có tỉ lệ phù hợp với “nguyên mẫu”.	
---	--

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
– Thể hiện được ý tưởng bố cục sản phẩm. – Lập được danh mục tác phẩm, nhật kí sáng tạo, lưu trữ hình ảnh. <i>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</i> – Hiểu được mỗi nghệ sĩ đều có phong cách riêng; phong cách thể hiện quan điểm, tư tưởng của nghệ sĩ đó. – Nhận thức được vai trò của nghệ sĩ (tác giả) trong sáng tạo nghệ thuật và vai trò của người xem (khán giả, công chúng) trong thưởng thức, đánh giá tác phẩm. – Nhận định được giá trị thẩm mỹ của nghệ thuật đương đại. – Hiểu được sự tác động của đời sống văn hoá, xã hội đến mỹ thuật.	– Lí luận và lịch sử mỹ thuật – Hội hoạ – Đồ hoạ (tranh in) – Điêu khắc <i>Hoạt động thực hành và thảo luận</i> <i>Thực hành</i> – Thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật 2D. – Thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật 3D. <i>Thảo luận</i> – Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật. – Sản phẩm thực hành của học sinh. <i>Định hướng chủ đề</i> Lựa chọn, kết hợp: – Văn hoá, xã hội. – Nghệ thuật Đương đại Việt Nam và thế giới.
MĨ THUẬT ỨNG DỤNG	

<i>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</i> –Hiểu được vai trò của “nhận diện hình ảnh thương hiệu” trong sản phẩm, tác phẩm thiết kế. thời đại và hình thành ý –Cập nhật được xu hướng thẩm mỹ của trường thiết kế.	<i>Yếu tố và nguyên lí tạo hình</i> Lựa chọn, kết hợp: <i>Yếu tố tạo hình</i> – Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian.
--	--

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
-----------------	----------

– Nhận định được sự tác động của internet đối với thị hiếu tiêu dùng. –Nêu được giải pháp, phác thảo phương án cho thiết kế sản phẩm. <i>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</i> –Lựa chọn được chi tiết có tỉ lệ phù hợp với kích thước sản phẩm. – Tạo được sự hài hoà giữa hình và nền trên sản phẩm thiết kế. –Vận dụng được nguyên lí của sự sắp xếp (hay còn gọi là bố cục) trong thiết kế. – Biết ứng dụng khoa học công nghệ vào thiết kế sản phẩm. <i>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</i> –Xác định, giải thích được địa điểm, không gian có thể phù hợp cho việc trưng bày sản phẩm, tác phẩm. –Phân loại được sản phẩm thiết kế đồ hoạ, thiết kế thời trang, thiết kế công nghiệp. –Sử dụng được thông điệp hình ảnh để giới thiệu, truyền thông sản phẩm, tác phẩm. –Nhận định, phân tích được sự hài hoà giữa sản phẩm, tác phẩm và môi trường xung quanh.	<i>Nguyên lí tạo hình</i> –Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà. <i>Thể loại</i> Lựa chọn, kết hợp: – Lí luận và lịch sử mỹ thuật – Thiết kế công nghiệp – Thiết kế đồ hoạ – Thiết kế thời trang <i>Hoạt động thực hành và thảo luận</i> <i>Thực hành</i> – Thực hành sáng tạo sản phẩm thiết kế 2D. – Thực hành sáng tạo sản phẩm thiết kế 3D. <i>Thảo luận</i> –Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, sản phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật. – Sản phẩm thực hành của học sinh. <i>Định hướng chủ đề</i> Lựa chọn, kết hợp: – Văn hoá, xã hội.
---	---

	– Nghệ thuật thiết kế Đương đại Việt Nam và thế giới.
Yêu cầu cần đạt	Nội dung
CHỦ ĐỀ: HƯỚNG NGHIỆP	
<i>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</i> –Liệt kê được một số ngành nghề liên quan đến mỹ thuật ứng dụng. –Nêu được yếu tố đặc trưng của một số ngành nghề liên quan đến nghệ thuật thiết kế. <i>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</i> –Thể hiện được đặc trưng của lĩnh vực ngành nghề thông qua sản phẩm cụ thể. –Viết được một bài luận hoặc thực hiện một đoạn Video clip,... giới thiệu ngành nghề liên quan đến mỹ thuật ứng dụng. <i>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</i> –Phân tích được nhu cầu xã hội đối với các ngành nghề mỹ thuật ứng dụng. – Định hướng được nghề nghiệp trong tương lai.	<i>Hoạt động thực hành và thảo luận</i> <i>Thực hành</i> Lựa chọn, kết hợp – Tìm hiểu ngành nghề liên quan đến mỹ thuật ứng dụng. - Thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật ứng dụng. <i>Thảo luận</i> Lựa chọn, kết hợp – Một số ngành nghề liên quan đến mỹ thuật ứng dụng. – Sản phẩm thực hành của học sinh. <i>Định hướng chủ đề:</i> Mỹ thuật ứng dụng và ngành nghề.

LỚP10

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
-----------------	----------

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
-----------------	----------

LÍ LUẬN VÀ LỊCH SỬ MĨ THUẬT	
<i>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</i> – Biết được một số nét tiêu biểu về lịch sử mỹ thuật Việt Nam và thế giới. <i>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</i> – Lập được danh mục tư liệu liên quan đến lịch sử mỹ thuật Việt Nam và thế giới. – Tóm tắt được đặc điểm một số nền mỹ thuật của Việt Nam và thế giới. <i>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</i> – Trao đổi được thông tin, tư liệu, kiến thức đã thu thập. – Biết được mối quan hệ liên ngành giữa Lịch sử mỹ thuật và Khảo cổ học.	<i>Thể loại</i> – Lịch sử mỹ thuật. <i>Hoạt động thực hành và thảo luận</i> <i>Thực hành</i> – Tìm hiểu, khai thác tư liệu mỹ thuật. <i>Thảo luận</i> – Trao đổi, bàn luận về lịch sử mỹ thuật. – Sản phẩm thực hành của học sinh. <i>Định hướng chủ đề</i> – Lịch sử mỹ thuật Việt Nam. – Lịch sử mỹ thuật thế giới.
HỘI HOẠ	
<i>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</i> – Biết được vài nét về nghệ thuật Hội họa và đặc điểm tranh chất liệu chì hoặc than – Lựa chọn được thể loại tranh để thực hành, sáng tạo. <i>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</i> – Thực hiện được phác thảo và hoàn thiện tranh bằng chất liệu chì hoặc than. – Bước đầu biểu đạt được cảm xúc thông qua cách vẽ.	<i>Thể loại</i> Lựa chọn: – Tranh phong cảnh – Tranh tĩnh vật – Tranh chân dung – Tranh sinh hoạt <i>Hoạt động thực hành và thảo luận</i>

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
– Vận dụng được một số yếu tố và nguyên lí tạo hình trong thực hành, sáng tạo. <i>Phân tích và đánh giá thẩm mĩ:</i> – Phân tích, trao đổi, thảo luận trong quá trình trưng bày, đánh giá sản phẩm. –Giới thiệu được tác giả và vẻ đẹp của tác phẩm hội họa chất liệu chì hoặc than.	<i>Thực hành</i> – Chất liệu chì hoặc than <i>Thảo luận</i> –Đặc điểm tranh vẽ bằng chất liệu chì hoặc than. – Sản phẩm thực hành của học sinh. <i>Định hướng chủ đề:</i> Tự chọn.
ĐỒ HOẠ (TRANH IN)	
<i>Quan sát và nhận thức thẩm mĩ:</i> –Biết được vài nét về nghệ thuật Đồ họa (tranh in) và đặc điểm của tranh in bản dập. – Lựa chọn thể loại tranh để thực hành, sáng tạo. <i>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mĩ:</i> – Thực hiện được phác thảo và hoàn thiện tranh in bản dập. – Bước đầu biểu đạt được cảm xúc thông qua kĩ thuật in bản dập. –Vận dụng được một số yếu tố và nguyên lí tạo hình trong thực hành, sáng tạo. <i>Phân tích và đánh giá thẩm mĩ:</i> –Phân tích, trao đổi, thảo luận trong quá trình trưng bày, đánh giá tranh in bản dập.	<i>Thể loại</i> Lựa chọn: – Tranh phong cảnh – Tranh tĩnh vật – Tranh chân dung – Tranh sinh hoạt <i>Hoạt động thực hành và thảo luận</i> <i>Thực hành</i> – Tranh in bản dập. <i>Thảo luận</i> – Đặc điểm tranh in bản dập.

	– Sản phẩm thực hành của học sinh.
Yêu cầu cần đạt	Nội dung
– Giới thiệu được tác giả và vẻ đẹp của tác phẩm tranh in bản dập.	<i>Định hướng chủ đề:</i> Tự chọn.
ĐIÊU KHẮC	
<i>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</i> – Biết được vài nét về nghệ thuật Điêu khắc và đặc điểm thể loại phù điêu. – Lựa chọn được đối tượng để thực hành, sáng tạo. <i>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</i> – Thực hiện được phác thảo và hoàn thiện phù điêu. – Bước đầu biểu đạt được cảm xúc thông qua kỹ thuật thể hiện phù điêu. – Vận dụng được một số yếu tố và nguyên lí tạo hình trong thực hành, sáng tạo. <i>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</i> – Phân tích, trao đổi, thảo luận trong quá trình trưng bày, đánh giá phù điêu. – Giới thiệu được đặc điểm của thể loại phù điêu thông qua sản phẩm thực hành và tác phẩm liên quan đến chủ đề.	<i>Thể loại:</i> Phù điêu <i>Hoạt động thực hành và thảo luận</i> Thực hành – Làm phù điêu. <i>Thảo luận</i> – Đặc điểm của phù điêu. – Sản phẩm thực hành của học sinh. <i>Định hướng chủ đề:</i> Tự chọn.
THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP	

<i>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</i> –Hiểu được khái niệm thiết kế công nghiệp và mối quan hệ của thiết kế công nghiệp với đời sống. – Nhận biết được tính chất và đặc điểm chất liệu của một số thể loại đồ chơi. <i>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</i>	<i>Thể loại</i> – Thiết kế đồ chơi. <i>Hoạt động thực hành và thảo luận</i> <i>Thực hành</i> – Thiết kế đồ chơi cho trẻ em bằng vật liệu
--	--

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
– Thực hiện được phác thảo và hoàn thiện thiết kế đồ chơi. –Vận dụng được một số yếu tố và nguyên lí tạo hình trong thực hành, sáng tạo. – Thể hiện được sự kết hợp giữa thẩm mỹ và ứng dụng thông qua sản phẩm. <i>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</i> –Phân tích được mối quan hệ giữa tính thẩm mỹ và tính ứng dụng của các sản phẩm đồ chơi. –Đánh giá đượcvai trò của nghệthuật thiếtkế đồ chơi trong đờisống xã hội.	sẵn có. <i>Thảo luận</i> –Đặc điểm nghệ thuật thiết kế đồ chơi cho trẻ em. – Sản phẩm thực hành của học sinh. <i>Định hướng chủ đề:</i> Tự chọn.
THIẾT KẾ ĐỒ HOẠ	

<i>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</i> – Biết được vài nét về thiết kế đồ họa và đặc điểm thiết kế logo. – Biết lựa chọn chữ và hình để thực hành, sáng tạo. <i>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</i> – Thực hiện được phác thảo và hoàn thiện thiết kế logo đơn giản. – Bước đầu biểu đạt được ý tưởng nội dung ở logo. – Vận dụng được một số yếu tố và nguyên lý tạo hình trong thực hành, sáng tạo. <i>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</i> – Phân tích, trao đổi, thảo luận trong quá trình trưng bày, đánh giá sản phẩm. – Giới thiệu được ý tưởng thẩm mỹ ở sản phẩm, tác phẩm thiết kế logo.	<i>Thể loại</i> – Nghệ thuật chữ và hình. <i>Hoạt động thực hành và thảo luận</i> <i>Thực hành</i> – Thiết kế logo đơn giản. <i>Thảo luận</i> – Đặc điểm của logo. – Sản phẩm thực hành của học sinh. <i>Định hướng chủ đề:</i> Tự chọn
THIẾT KẾ THỜI TRANG	

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
------------------------	-----------------

<i>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</i> – Lựa chọn được loại trang phục để thực hành, sáng tạo. – Nhận biết được đặc điểm vẽ mẫu thời trang và loại trang phục đã lựa chọn. <i>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</i> – Thực hiện được phác thảo và hoàn thiện thiết kế mẫu trang phục đơn giản. – Bước đầu kết hợp được sáng tạo và ứng dụng ở sản phẩm. – Vận dụng được một số yếu tố và nguyên lí tạo hình trong thực hành, sáng tạo. <i>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</i> – Phân tích, trao đổi, thảo luận trong quá trình trưng bày, đánh giá sản phẩm. – Giới thiệu được ý tưởng thẩm mỹ ở sản phẩm, tác phẩm mẫu trang phục trong giới hạn chủ đề.	<i>Thể loại</i> – Vẽ mẫu thời trang. <i>Hoạt động thực hành và thảo luận</i> <i>Thực hành</i> – Tập phác thảo mẫu trang phục đơn giản. <i>Thảo luận</i> – Đặc điểm vẽ mẫu thời trang. – Sản phẩm thực hành của học sinh. <i>Định hướng chủ đề:</i> Tự chọn.
THIẾT KẾ MỸ THUẬT SÂN KHẤU, ĐIỆN ẢNH	
<i>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</i> – Nhận biết được đặc điểm của thiết kế mỹ thuật sân khấu. – Hiểu được mục đích thẩm mỹ và công năng của thiết kế mỹ thuật sân khấu. <i>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</i> – Lựa chọn được loại hình sân khấu để thực hành, sáng tạo. – Thực hiện được phác thảo, hoàn thiện mô hình hoặc bản vẽ đơn giản về sân khấu theo chủ đề lựa chọn.	<i>Thể loại</i> – Thiết kế mỹ thuật sân khấu. <i>Hoạt động thực hành và thảo luận</i> <i>Thực hành</i> – Tập làm thiết kế mỹ thuật sân khấu (mô hình hoặc bản vẽ đơn giản). <i>Thảo luận</i> – Đặc điểm thiết kế mỹ thuật sân khấu.

– Vận dụng được một số yếu tố và nguyên lí tạo hình trong thực hành, sáng	
---	--

Yêu cầu cần đạt		Nội dung
43		
Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ: – Sử dụng được một số kỹ năng tạo hình cơ bản để mô phỏng công trình kiến trúc (bản vẽ hoặc mô hình). – Sử dụng được các vật liệu sẵn có (bìa, giấy hoặc nan tre,...) để thực hành, sáng tạo. – Vận dụng được một số yếu tố và nguyên lý tạo hình trong thực hành, sáng tạo. Phân tích và đánh giá thẩm mỹ: – Phân tích, đánh giá được vai trò của yếu tố và nguyên lý tạo hình trong thẩm mỹ kiến trúc. – Chỉ ra được mối quan hệ tương tác giữa mỹ thuật và kiến trúc.		<i>Thực hành</i> – Mô phỏng công trình kiến trúc (bản vẽ hoặc mô hình). <i>Thảo luận</i> – Đặc điểm nghệ thuật kiến trúc. – Sản phẩm thực hành của học sinh. Định hướng chủ đề: Tự chọn.
Yêu cầu cần đạt		Nội dung
tạo. – Thể hiện được mục đích và ý tưởng thiết kế trong thực hành, sáng tạo. Phân tích và đánh giá thẩm mỹ: – Phân tích, trao đổi, thảo luận trong quá trình trưng bày, đánh giá sản phẩm.		– Sản phẩm thực hành của học sinh. Định hướng chủ đề: Tự chọn.
THIẾT KẾ MỸ THUẬT ĐA PHƯƠNG TIỆN		
Quan sát và nhận thức thẩm mỹ: – Nhận biết được đặc điểm của thể loại nhiếp ảnh. – Biết sử dụng phương tiện sẵn có để thực hành, sáng tạo. Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ: – Thực hiện được thao tác với phương tiện sẵn có để chụp và xử lý ảnh. – Xác định được đối tượng, khuôn hình và nguồn sáng. – Thể hiện được ý tưởng nội dung chủ đề. Phân tích và đánh giá thẩm mỹ: – Phân tích, trao đổi, thảo luận trong quá trình trưng bày, đánh giá sản phẩm nhiếp ảnh. – Nhận định được vai trò của nhiếp ảnh trong đời sống thực tiễn.		Thể loại – Nhiếp ảnh. Hoạt động thực hành và thảo luận <i>Thực hành</i> – Chụp và xử lý ảnh bằng thiết bị sẵn có. <i>Thảo luận</i> – Đặc điểm nhiếp ảnh. – Sản phẩm thực hành của học sinh. Định hướng chủ đề: Tự chọn.

KIẾN TRÚC	
<i>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</i> – Nhận biết được đặc điểm của thể loại kiến trúc. – Xác định được mục đích thẩm mỹ và công năng của công trình kiến trúc.	<i>Thể loại</i> – Kiến trúc. <i>Hoạt động thực hành và thảo luận</i>

CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
Chuyên đề 10.1: THỰC HÀNH VẼ HÌNH HOẠ 1	
<i>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</i> – Phân loại được một số khối cơ bản trong mẫu vẽ. – Phân biệt được đặc điểm và tính chất của khối cơ bản trong không gian. <i>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</i> – Sắp xếp được bố cục trên khổ giấy. – Thực hiện được các bước vẽ khối cơ bản trong thực hành.	<i>Yếu tố và nguyên lí tạo hình</i> Lựa chọn, kết hợp: <i>Yếu tố tạo hình</i> – Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian. <i>Nguyên lí tạo hình</i> – Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu,
Yêu cầu cần đạt	Nội dung
– Thể hiện được cấu trúc, diễn tả khối trong không gian bằng chất liệu chì. <i>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</i> – Phân tích được mối quan hệ giữa ánh sáng và khối trong không gian. – Đánh giá được bố cục, hình, khối, không gian.	nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà. <i>Hoạt động thực hành và thảo luận</i> <i>Thực hành</i> –Vẽ nghiên cứu khối cơ bản bằng chất liệu chì. <i>Thảo luận</i> – Trao đổi về hình hoạ: Khối cơ bản.
Chuyên đề 10.2: THỰC HÀNH VẼ TRANG TRÍ 1	
<i>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</i> – Nhận biết được đặc điểm của trang trí hình vuông. – Lựa chọn được hoạ tiết, chất liệu để thực hành. <i>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</i> –Sử dụng được chất liệu màu bột hoặc màu nước, chất liệu tương đương để thực hành, sáng tạo. –Sắp xếp được hoạ tiết trong trang trí hình vuông dựa trên các yếu tố và nguyên lí tạo hình. – Tạo được hoà sắc trong trang trí hình vuông. <i>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</i> – Trao đổi, phân tích về trang trí hình vuông. – Liên hệ được tính ứng dụng của trang trí hình vuông trong đời sống.	<i>Yếu tố và nguyên lí tạo hình</i> Lựa chọn, kết hợp: <i>Yếu tố tạo hình</i> –Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian. <i>Nguyên lí tạo hình</i> –Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà. <i>Hoạt động thực hành và thảo luận</i> <i>Thực hành</i> – Trang trí hình vuông. <i>Thảo luận</i> – Trao đổi về trang trí hình vuông

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
	– Sản phẩm thực hành của học sinh.
Chuyên đề 10.3: THỰC HÀNH VẼ TRANH BỐ CỤC 1	
<i>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</i> – Nhận biết được đặc điểm tranh bố cục phong cảnh. – Lựa chọn được phong cảnh, chất liệu để thực hành. <i>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</i> – Sử dụng được chất liệu màu bột, màu nước hoặc chất liệu tương đương để thực hành, sáng tạo. – Có khả năng xây dựng được bố cục hợp lí và sinh động. – Ứng dụng được cách phối màu, hoà sắc trong bố cục tranh. <i>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</i> – Trao đổi, phân tích về tranh bố cục phong cảnh. – Có khả năng phát triển được sản phẩm cá nhân trong trưng bày, đánh giá và tìm hiểu tác giả, tác phẩm tranh bố cục phong cảnh.	<i>Yếu tố và nguyên lí tạo hình</i> Lựa chọn, kết hợp: <i>Yếu tố tạo hình</i> – Châm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian. <i>Nguyên lí tạo hình</i> – Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà. <i>Hoạt động thực hành và thảo luận</i> <i>Thực hành</i> – Vẽ tranh bố cục phong cảnh (có thể có người) bằng chất liệu màu bột, màu nước hoặc chất liệu tương đương. <i>Thảo luận</i> – Tranh bố cục phong cảnh. – Sản phẩm thực hành của học sinh. <i>Định hướng chủ đề:</i> Tự chọn.
Yêu cầu cần đạt	Nội dung

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
LÍ LUẬN VÀ LỊCH SỬ MỸ THUẬT	
<i>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</i> – Biết được một số đặc điểm về lí luận mỹ thuật. – Chọn lọc được một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu để phân tích. <i>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</i> – Lập được dàn ý bài viết về tác giả, tác phẩm. – Viết được một bài luận ngắn về tác giả, tác phẩm. – Thể hiện được khả năng vận dụng phương tiện công nghệ trong nội dung bài luận. <i>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</i> – Nhận xét, trao đổi và đánh giá được bài luận. – Phân tích được mối liên hệ giữa tác giả, tác phẩm và đời sống xã hội.	<i>Thể loại</i> – Lí luận mỹ thuật. <i>Hoạt động thực hành và thảo luận</i> <i>Thực hành</i> – Tìm hiểu tác giả, phân tích tác phẩm. <i>Thảo luận</i> – Bài viết về tác giả, tác phẩm. – Sản phẩm thực hành của học sinh. <i>Định hướng chủ đề</i> – Tác giả, tác phẩm tiêu biểu của mỹ thuật Việt Nam, thế giới.
HỘI HOẠ	

<i>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</i> – Nhận biết được đặc điểm tranh chất liệu màu nước. – Lựa chọn được thể loại tranh để thực hành, sáng tạo. <i>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</i> –Thực hiện được phác thảo và hoàn thiện tranh bằng chất liệu màu nước.	<i>Thể loại</i> Lựa chọn: – Tranh phong cảnh – Tranh tĩnh vật – Tranh chân dung – Tranh sinh hoạt
---	---

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
– Biểu đạt được cảm xúc thông qua cách vẽ. –Vận dụng được một số yếu tố và nguyên lí tạo hình trong thực hành, sáng tạo. <i>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</i> –Phân tích, trao đổi, thảo luận trong quá trình trưng bày, đánh giá sản phẩm thực hành tranh chất liệu màu nước. –Thể hiện quan điểm cá nhân trong cảm thụ và đánh giá sản phẩm, tác phẩm hội họa chất liệu màu nước.	<i>Hoạt động thực hành và thảo luận</i> <i>Thực hành</i> – Chất liệu màu nước <i>Thảo luận</i> – Đặc điểm tranh chất liệu màu nước. – Sản phẩm thực hành của học sinh. <i>Định hướng chủ đề:</i> Tự chọn.
ĐỒ HOẠ (TRANH IN)	

<i>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</i> – Nhận biết được đặc điểm tranh in nổi. – Lựa chọn chất liệu, thể loại tranh in để thực hành, sáng tạo. <i>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</i> – Thực hiện được phác thảo, khắc ván in và in tranh. – Bước đầu biểu đạt được cảm xúc thông qua kỹ thuật khắc, in tranh. – Vận dụng được một số yếu tố và nguyên lí tạo hình trong thực hành, sáng tạo. <i>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</i> – Phân tích, trao đổi, thảo luận trong quá trình trưng bày, đánh giá tranh in nổi. – Đánh giá được quá trình thực hành, sáng tạo tranh in nổi.	<i>Thể loại</i> Lựa chọn: – Tranh phong cảnh – Tranh tĩnh vật – Tranh chân dung – Tranh sinh hoạt <i>Hoạt động thực hành và thảo luận</i> <i>Thực hành</i> – Khắc ván in và in tranh in nổi (lựa chọn vật liệu mềm như: bìa, thạch cao,...). <i>Thảo luận</i> – Đặc điểm tranh in nổi.
---	---

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
	– Sản phẩm thực hành của học sinh. <i>Định hướng chủ đề:</i> Tự chọn.
ĐIỀU KHẮC	

<i>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</i> – Nhận biết được đặc điểm thể loại tượng tròn, liên hệ ý tưởng thể hiện. – Biết lựa chọn chất liệu, đối tượng để thực hành, sáng tạo. <i>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</i> – Thực hiện được phác thảo và hoàn thiện tượng chân dung. – Bước đầu biểu đạt được cảm xúc thông qua kĩ thuật thể hiện. – Vận dụng được một số yếu tố và nguyên lí tạo hình trong thực hành, sáng tạo. <i>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</i> – Phân tích, trao đổi, thảo luận về giá trị thẩm mỹ ở sản phẩm, tác phẩm điêu khắc tượng tròn. – Biết tự đánh giá được quá trình thực hành, sáng tạo.	<i>Thể loại</i> – Tượng tròn. <i>Hoạt động thực hành và thảo luận</i> <i>Thực hành</i> – Làm tượng chân dung (nam hoặc nữ) bằng chất liệu đất (đất sét hoặc đất nặn). <i>Thảo luận</i> – Đặc điểm của tượng tròn. – Sản phẩm thực hành của học sinh. <i>Định hướng chủ đề:</i> Tự chọn.
THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP	
<i>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</i> – Nhận biết được đặc điểm thiết kế đồ trang sức. – Biết được mối quan hệ của thiết kế đồ trang sức với đời sống, liên hệ ý tưởng thể hiện.	<i>Thể loại</i> – Thiết kế đồ trang sức. <i>Hoạt động thực hành và thảo luận</i>
Yêu cầu cần đạt	Nội dung

<i>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</i> – Thực hiện được phác thảo và hoàn thiện thiết kế đồ trang sức. – Vận dụng được một số yếu tố và nguyên lí tạo hình trong thực hành, sáng tạo. – Bước đầu thể hiện được tính thẩm mỹ và tính ứng dụng ở sản phẩm. <i>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</i> – Phân tích, trao đổi, thảo luận trong trưng bày và đánh giá sản phẩm. – Nhận định được mối quan hệ giữa tính thẩm mỹ và tính ứng dụng của sản phẩm đồ trang sức.	<i>Thực hành</i> – Thiết kế đồ trang sức bằng vật liệu sẵn có. <i>Thảo luận</i> – Đặc điểm nghệ thuật thiết kế đồ trang sức. – Sản phẩm thực hành của học sinh. <i>Định hướng chủ đề:</i> Tự chọn.
THIẾT KẾ ĐỒ HOẠ	
<i>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</i> – Nhận biết được đặc điểm thiết kế xuất bản phẩm. – Lựa chọn được nội dung chủ đề thể hiện. <i>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</i> – Thực hiện được phác thảo và hoàn thiện thiết kế bìa sách. – Bước đầu biểu đạt được ý tưởng nội dung ở bìa sách. – Vận dụng được một số yếu tố và nguyên lí tạo hình trong thực hành, sáng tạo. <i>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</i>	<i>Thể loại</i> – Thiết kế xuất bản phẩm. <i>Hoạt động thực hành và thảo luận</i> <i>Thực hành</i> – Thiết kế bìa sách. <i>Thảo luận</i> – Đặc điểm thiết kế bìa sách. – Sản phẩm thực hành của học sinh. <i>Định hướng chủ đề:</i> Tự chọn.

– Phân tích, trao đổi, thảo luận trong quá trình trưng bày, đánh giá	
--	--

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
sản phẩm thiết kế xuất bản phẩm. – Phân biệt được đặc điểm thiết kế bìa sách và thiết kế logo.	
THIẾT KẾ THỜI TRANG	
<i>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</i> – Lựa chọn được loại phụ kiện thời trang để thực hành, sáng tạo. –Nhận biết được đặc điểm thiết kế phụ kiện thời trang và loại phụ kiện thời trang đã lựa chọn. <i>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</i> –Thực hiện được phác thảo và hoàn thiện thiết kế phụ kiện thời trang. –Bước đầu thể hiện được sự kết hợp giữa ý tưởng sáng tạo và ứng dụng ở sản phẩm. –Vận dụng được một số yếu tố và nguyên lí tạo hình trong thực hành, sáng tạo. –Vận dụng và phối hợp được các chất liệu trong thiết kế phụ kiện thời trang. <i>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</i>	<i>Thể loại</i> – Thiết kế phụ kiện thời trang. <i>Hoạt động thực hành và thảo luận</i> <i>Thực hành</i> –Tập làm phụ kiện thời trang đơn giản (túi, khăn, thắt lưng, ví, cặp,...). <i>Thảo luận</i> – Đặc điểm thiết kế phụ kiện thời trang. – Sản phẩm thực hành của học sinh. <i>Định hướng chủ đề:</i> Tự chọn.

–Phân tích, trao đổi, thảo luận trong quá trình trưng bày, đánh giá phụ kiện thời trang.	
THIẾT KẾ MỸ THUẬT SÂN KHẤU, ĐIỆN ẢNH	

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
<i>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</i> – Nhận biết được đặc điểm của thiết kế mỹ thuật điện ảnh. – Lựa chọn được nội dung chủ đề để thực hành, sáng tạo. <i>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</i> –Thực hiện được phác thảo, hoàn thiện mô hình hoặc bản vẽ đơn giản về bối cảnh phim theo chủ đề lựa chọn. –Vận dụng được một số yếu tố và nguyên lí tạo hình trong thực hành, sáng tạo. –Thể hiện được mục đích và yêu cầu của thiết kế mỹ thuật bối cảnh phim hoạt hình. <i>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</i> –Trình bày được ý tưởng thiết kế mỹ thuật bối cảnh phim hoạt hình ở sản phẩm. –Phân tích, trao đổi, thảo luận trong quá trình trưng bày, đánh giá sản phẩm thiết kế mỹ thuật bối cảnh phim hoạt hình.	<i>Thể loại</i> – Thiết kế mỹ thuật điện ảnh. <i>Hoạt động thực hành và thảo luận</i> <i>Thực hành</i> –Tập làm thiết kế mỹ thuật bối cảnh phim hoạt hình (mô hình hoặc bản vẽ đơn giản). <i>Thảo luận</i> – Đặc điểm thiết kế mỹ thuật bối cảnh phim hoạt hình. – Sản phẩm thực hành của học sinh. <i>Định hướng chủ đề:</i> Tự chọn.
THIẾT KẾ MỸ THUẬT ĐA PHƯƠNG TIỆN	

<i>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</i> – Nhận biết được đặc điểm, vai trò của video clip. – Biết lựa chọn chủ đề, phương tiện sẵn có để thực hành, sáng tạo. <i>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</i> – Phác thảo được các phân cảnh cho một video clip trên giấy.	<i>Thể loại</i> – Video clip. <i>Hoạt động thực hành và thảo luận</i> <i>Thực hành</i> – Thực hiện một video clip mức độ cơ bản.
--	--

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
– Thực hiện được thao tác với phương tiện sẵn có để làm video clip. – Thực hiện được các công đoạn tạo một video clip theo chủ đề. – Thể hiện được ý tưởng chủ đề thông qua sản phẩm. <i>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</i> –Phân tích, trao đổi, thảo luận trong quá trình thực hiện và đánh giá sản phẩm video clip.	<i>Thảo luận</i> – Đặc điểm video clip. – Sản phẩm thực hành của học sinh. <i>Định hướng chủ đề:</i> Tự chọn.
KIẾN TRÚC	

<i>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</i> – Nhận biết được đặc điểm của thiết kế nội thất. – Xác định được mục đích thẩm mỹ và công năng của thiết kế nội thất. <i>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</i> – Sử dụng được một số kĩ năng tạo hình cơ bản để mô phỏng thiết kế nội thất (bản vẽ hoặc mô hình). – Sử dụng hoặc phối hợp được các vật liệu sẵn có (bìa, giấy, nan tre, gỗ, xốp,...) để thực hành, sáng tạo. – Bước đầu thể hiện được mối liên hệ giữa không gian kiến trúc với thiết kế nội thất. <i>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</i> – Phân tích, đánh giá được vai trò của yếu tố và nguyên lí tạo hình trong thiết kế nội thất. – Chỉ ra được mối quan hệ giữa mỹ thuật và thiết kế nội thất.	<i>Thế loại</i> – Thiết kế nội thất. <i>Thực hành</i> – Mô phỏng không gian nội thất đơn giản (bản vẽ hoặc mô hình). <i>Thảo luận</i> – Đặc điểm thiết kế nội thất. – Sản phẩm thực hành của học sinh. <i>Định hướng chủ đề:</i> Tự chọn.
---	--

CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
Chuyên đề 11.1: THỰC HÀNH VẼ HÌNH HOẠ 2	
<i>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</i> - Nhận biết được đặc điểm cấu trúc hình khối của tượng phật mằng. - Nêu được các bước tiến hành thực hiện bài vẽ tượng phật mằng. <i>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</i> - Sắp xếp được bố cục trên khổ giấy. - Vận dụng được các bước vẽ khối cơ bản trong thực hành. - Thể hiện được cấu trúc, diễn tả khối trong không gian. <i>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</i> - Phân tích được mối quan hệ giữa ánh sáng, hình và khối trong không gian. - Đánh giá được bố cục và diễn tả đậm nhạt, sáng tối, diện mảng,... ở sản phẩm.	<i>Yếu tố và nguyên lí tạo hình</i> Lựa chọn, kết hợp: <i>Yếu tố tạo hình</i> - Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian. <i>Nguyên lí tạo hình</i> - Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà. <i>Hoạt động thực hành và thảo luận</i> <i>Thực hành</i> - Vẽ nghiên cứu tượng chân dung phật mằng bằng chất liệu chì hoặc than. <i>Thảo luận</i> - Trao đổi về hình hoạ: Tượng chân dung phật mằng.
Chuyên đề 11.2: THỰC HÀNH VẼ TRANG TRÍ 2	
<i>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</i> - Nhận biết được đặc điểm của trang trí hình tròn. - Lựa chọn được họa tiết, chất liệu để thực hành.	<i>Yếu tố và nguyên lí tạo hình</i> Lựa chọn, kết hợp: <i>Yếu tố tạo hình</i>
Yêu cầu cần đạt	Nội dung
- Trao đổi, phân tích về tranh bố cục nhân vật. - Thể hiện được quan điểm cá nhân trong đánh giá tranh bố cục nhân vật.	<i>Thực hành</i> - Vẽ tranh bố cục nhân vật bằng chất liệu màu bột, màu nước hoặc chất liệu tương đương. <i>Thảo luận</i> - Tranh bố cục nhân vật. - Sản phẩm thực hành của học sinh. <i>Định hướng chủ đề:</i> Tự chọn.
Yêu cầu cần đạt	Nội dung

Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ: –Sử dụng được chất liệu màu bột, màu nước hoặc chất liệu tương đương để thực hành, sáng tạo. –Sắp xếp được các hoạ tiết trong trang trí hình tròn dựa trên các yếu tố và nguyên lí tạo hình. – Tạo được hoà sắc trong trang trí hình tròn. Phân tích và đánh giá thẩm mỹ: – Trao đổi, phân tích về vẻ đẹp của trang trí hình tròn. – Liên hệ được tính ứng dụng của trang trí hình tròn trong đời sống.	– Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian. <i>Nguyên lí tạo hình</i> –Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà. Hoạt động thực hành và thảo luận <i>Thực hành</i> – Trang trí hình tròn. <i>Thảo luận</i> – Trao đổi về trang trí hình tròn. – Sản phẩm thực hành của học sinh.
--	--

Chuyên đề 11.3: THỰC HÀNH VẼ TRANH BỐ CỤC 2

Quan sát và nhận thức thẩm mỹ: – Nhận biết được đặc điểm tranh bố cục nhân vật. – Lựa chọn được chủ đề, chất liệu để thực hành. Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ: –Sử dụng được chất liệu màu bột, màu nước hoặc chất liệu tương đương để thực hành, sáng tạo. – Có khả năng xây dựng được bố cục hợp lí và sinh động. – Ứng dụng được cách phối màu, hoà sắc trong bố cục nhân vật. Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:	<i>Yếu tố và nguyên lí tạo hình</i> Lựa chọn, kết hợp: <i>Yếu tố tạo hình</i> –Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian. <i>Nguyên lí tạo hình</i> –Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà. Hoạt động thực hành và thảo luận
--	--

55
LỚP
12

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
LÍ LUẬN VÀ LỊCH SỬ MĨ THUẬT	

<i>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</i> –Xác định được nội dung, hình thức trưng bày và giới thiệu sản phẩm, tác phẩm. –Nhận thức được vai trò của hoạt động tổ chức trưng bày và giới thiệu sản phẩm, tác phẩm. <i>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</i> – Xác định được không gian trưng bày sản phẩm. –Xây dựng và thực hiện được kế hoạch trưng bày, giới thiệu sản phẩm, tác phẩm.	<i>Thể loại</i> – Giới thiệu và trưng bày sản phẩm, tác phẩm. <i>Hoạt động thực hành và thảo luận</i> <i>Thực hành</i> – Tổ chức triển lãm mỹ thuật trong lớp, trường. <i>Thảo luận</i> – Đặc điểm triển lãm mỹ thuật. – Triển lãm mỹ thuật thực hiện trong lớp, trường. <i>Định hướng chủ đề</i>
Yêu cầu cần đạt	Nội dung
– Vận dụng được kiến thức mỹ thuật trong thuyết trình, giới thiệu sản phẩm, tác phẩm. <i>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</i> –Đánh giá được hiệu quả thẩm mỹ của trưng bày sản phẩm, tác phẩm. –Nhận xét, đánh giá được kĩ năng thuyết trình trong giới thiệu sản phẩm, tác phẩm.	– Sản phẩm mỹ thuật của học sinh. –Triển lãm sản phẩm thực hành, sáng tạo của học sinh.
HỘI HOẠ	
<i>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</i> –Nhận biết được đặc điểm tranh chất liệu màu bột (hoặc chất liệu tương đương). – Lựa chọn được chất liệu, thể loại tranh để thực hành, sáng tạo. <i>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</i> –Thực hiện được phác thảo và hoàn thiện tranh bằng chất liệu màu bột (hoặc chất liệu tương đương). –Biểu đạt được cảm xúc thông qua chất liệu màu bột (hoặc chất liệu tương đương). –Vận dụng được một số yếu tố và nguyên lí tạo hình trong thực hành, sáng tạo. <i>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</i>	<i>Thể loại</i> Lựa chọn: – Tranh phong cảnh – Tranh tĩnh vật – Tranh chân dung – Tranh sinh hoạt <i>Hoạt động thực hành và thảo luận</i> <i>Thực hành</i> – Chất liệu màu bột (hoặc chất liệu tương đương). <i>Thảo luận</i> –Đặc điểm tranh chất liệu màu bột (hoặc màu tương đương).

– Phân tích, trao đổi, thảo luận, phản biện về sản phẩm, tác phẩm	– Sản phẩm thực hành của học sinh.
---	------------------------------------

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
hội họa chất liệu màu bột (hoặc chất liệu tương đương). - Nêu được quan điểm cá nhân trong trưng bày, đánh giá sản phẩm và thưởng thức tác phẩm hội họa giới thiệu trong chủ đề.	<i>Định hướng chủ đề:</i> Tự chọn.
ĐỒ HOẠ (TRANH IN)	
<i>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</i> – Nhận biết được đặc điểm tranh in độc bản. – Biết lựa chọn loại hình tranh in độc bản để thực hành, sáng tạo. <i>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</i> – Thực hiện được phác thảo, chế bản và in tranh. – – Bước đầu biểu đạt được cảm xúc thông qua kỹ thuật chế bản, in tranh. – Vận dụng được một số yếu tố và nguyên lý tạo hình trong thực hành, sáng tạo. <i>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</i> – Phân tích, trao đổi, thảo luận trong quá trình trưng bày, đánh giá tranh in độc bản. – Đáp, tranh in nổi	<i>Thể loại</i> Lựa chọn: – Tranh phong cảnh – Tranh tĩnh vật – Tranh chân dung – Tranh sinh hoạt <i>Hoạt động thực hành và thảo luận</i> <i>Thực hành</i> – Tranh in độc bản. <i>Thảo luận</i> – Đặc điểm tranh in độc bản. – Sản phẩm thực hành của học sinh. <i>Định hướng chủ đề:</i> Tự chọn.

–Phân biệt được một số đặc điểm giữa tranh in bản và tranh in độc bản.	
ĐIỀU KHẮC	
<i>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</i> – Biết lựa chọn đối tượng để thực hành, sáng tạo.	<i>Thể loại</i> – Sắp đặt, trưng bày sản phẩm điêu khắc.

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
– Hình thành được ý tưởng sắp đặt sản phẩm điêu khắc. <i>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</i> – Thực hiện được phác thảo và hoàn thiện sản phẩm sắp đặt. –Bước đầu biểu đạt được ý tưởng chủ đề thông qua sản phẩm sắp đặt. –Vận dụng được một số yếu tố và nguyên lí tạo hình trong thực hành, sáng tạo. –Sử dụng và phối hợp được các chất liệu, vật liệu sẵn có để thực hành, sáng tạo. <i>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</i> –Phân tích, trao đổi, thảo luận trong quá trình trưng bày, đánh giá sản phẩm sắp đặt. - Nhận định được vai trò của thảo luận trong thực hành, sáng tạo và trưng bày sản phẩm.	<i>Hoạt động thực hành và thảo luận</i> <i>Thực hành</i> –Thực hành sắp đặt sản phẩm điêu khắc bằng vật liệu sẵn có. <i>Thảo luận</i> – Ý tưởng, chủ đề thực hành sắp đặt. – Sản phẩm thực hành của học sinh. <i>Định hướng chủ đề:</i> Tự chọn.

THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP	
<i>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</i> – Nhận biết được một số đặc điểm thiết kế tạo dáng công nghiệp. –Hiểu được mối quan hệ của thiết kế tạo dáng công nghiệp với đời sống. <i>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</i> – Thực hiện được phác thảo và hoàn thiện thiết kế đồ dùng sinh hoạt	<i>Thể loại</i> – Thiết kế tạo dáng công nghiệp. <i>Hoạt động thực hành và thảo luận</i> <i>Thực hành</i> – Thiết kế đồ dùng sinh hoạt bằng vật liệu sẵn có. <i>Thảo luận</i>

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
bằng vật liệu sẵn có. –Vận dụng được một số yếu tố và nguyên lí tạo hình trong thực hành, sáng tạo. –Thể hiện được sự kết hợp giữa giá trị thẩm mỹ và tính ứng dụng ở sản phẩm. <i>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</i> –Phân tích được mối quan hệ giữa tính thẩm mỹ và tính ứng dụng ở sản phẩm. –Nhận định được tầm quan trọng của thiết kế tạo dáng công nghiệp với thực tiễn đời sống.	– Đặc điểm nghệ thuật thiết kế đồ dùng sinh hoạt. – Sản phẩm thực hành của học sinh. <i>Định hướng chủ đề:</i> Tự chọn.
THIẾT KẾ ĐỒ HOẠ	

<i>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</i> – Nhận biết được đặc điểm thiết kế tranh áp phích. –Lựa chọn được chủ đề và thể loạithiết kế tranh áp phíchđể thực hành, sáng tạo. <i>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</i> – Thực hiện được phác thảo và hoàn thiện thiết kế áp phích. –Bước đầu biểu đạt được ý tưởng nội dung chủ đề thông qua tranh áp phích. –Vận dụng được một số yếu tố và nguyên lí tạo hình trong thực hành, sáng tạo.	<i>Thể loại</i> – Tranh áp phích. <i>Hoạt động thực hành và thảo luận</i> <i>Thực hành</i> – Thiết kế áp phích đơn giản. <i>Thảo luận</i> – Đặc điểm thiết kế tranh áp phích. – Sản phẩm thực hành của học sinh. <i>Định hướng chủ đề:</i> Tự chọn.
--	--

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
<i>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</i> –Phân tích, trao đổi, thảo luận trong quá trình trưng bày, đánh giá tranh áp phích. –Nhận định được vai trò của tranh áp phích trong đời sống, văn hoá xã hội.	
THIẾT KẾ THỜI TRANG	

<i>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</i> – Nhận biết được đặc điểm thiết kế trang phục. –Lựa chọn được vật liệu và thể loại trang phục để thực hành, sáng tạo. <i>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</i> – Phác thảo và thực hiện được thiết kế trang phục đơn giản. –Vận dụng được một số yếu tố và nguyên lí tạo hình trong thực hành, sáng tạo. –Vận dụng và phối hợp được các vật liệu sẵn có trong thiết kế trang phục. <i>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</i> –Phân tích, nhận định được tính sáng tạo và tính ứng dụng ở sản phẩm. –Bước đầu nhận định được vai trò của thị hiếu thẩm mỹ trong thiết kế thời trang.	<i>Thể loại</i> – Thiết kế trang phục. <i>Hoạt động thực hành và thảo luận</i> <i>Thực hành</i> – Thiết kế trang phục đơn giản (vật liệu sẵn có). <i>Thảo luận</i> – Đặc điểm nghệ thuật thiết kế thời trang. – Sản phẩm thực hành của học sinh. <i>Định hướng chủ đề:</i> Tự chọn.
---	--

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
THIẾT KẾ MĨ THUẬT SÂN KHẤU, ĐIỆN ẢNH	

<i>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</i> – Nhận biết được đặc điểm của thiết kế trang phục nghệ thuật. –Lựa chọn được chất liệu, thể loại trang phục nghệ thuật để thực hành thiết kế. <i>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</i> –Thực hiện được phác thảo, hoàn thiện mô hình hoặc bản vẽ đơn giản về trang phục nghệ thuật theo chủ đề lựa chọn. –Vận dụng được một số yếu tố và nguyên lí tạo hình trong thực hành, sáng tạo. –Bước đầu thể hiện được mục đích và yêu cầu của thiết kế trang phục nghệ thuật. <i>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</i> –Phân tích, trao đổi, thảo luận trong quá trình trưng bày, đánh giá sản phẩm thiết kế trang phục nghệ thuật. –Nhận định được vai trò của thiết kế trang phục nghệ thuật với một số loại hình nghệ thuật khác.	<i>Thể loại</i> – Thiết kế trang phục nghệ thuật. <i>Hoạt động thực hành và thảo luận</i> <i>Thực hành</i> –Thiết kế trang phục sân khấu, điện ảnh (vật liệu sẵn có). <i>Thảo luận</i> – Đặc điểm thiết kế trang phục sân khấu điện ảnh. – Sản phẩm thực hành của học sinh. <i>Định hướng chủ đề:</i> Tự chọn.
THIẾT KẾ MỸ THUẬT ĐA PHƯƠNG TIỆN	
<i>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</i> – Nhận biết được đặc điểm, vai trò của thiết kế mỹ thuật website. – Xác định được chủ đề và lựa chọn công cụ, phương tiện để thực	<i>Thể loại</i> – Thiết kế mỹ thuật website. <i>Hoạt động thực hành và thảo luận</i>

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
hành, sáng tạo. <i>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</i> –Thực hiện được thao tác với phương tiện sẵn có để thiết kế mỹ thuật website. – Phác thảo được các phân trang giao diện trên giấy. – Thể hiện được ý tưởng nội dung chủ đề trong thực hành, sáng tạo. –Vận dụng được một số yếu tố và nguyên lí tạo hình trong thiết kế mỹ thuật website. <i>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</i> –Phân tích, trao đổi, thảo luận trong quá trình thực hiện, đánh giá sản phẩm.	<i>Thực hành</i> –Tập thiết kế mỹ thuật giao diện website mức độ đơn giản. <i>Thảo luận</i> – Đặc điểm thiết kế mỹ thuật website. – Sản phẩm thực hành của học sinh. <i>Định hướng chủ đề:</i> Tự chọn.
KIẾN TRÚC	

<i>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</i> – Nhận biết được đặc điểm bảo tồn di sản kiến trúc. –Lựa chọn được công trình, di sản kiến trúc cần bảo tồn để thực hành. <i>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</i> –Sử dụng được một số kĩ năng tạo hình để mô phỏng công trình, di sản kiến trúc. –Sử dụng, phối hợp được các vật liệu sẵn có (bìa, giấy, nan tre, gỗ, xốp,...) để thực hành, sáng tạo.	<i>Thể loại</i> – Bảo tồn di sản kiến trúc. <i>Hoạt động thực hành và thảo luận</i> <i>Thực hành</i> –Mô phỏng công trình, di sản kiến trúc (bản vẽ, bản dập chi tiết kiến trúc hoặc mô hình). <i>Thảo luận</i> – Đặc điểm bảo tồn di sản kiến trúc. – Sản phẩm thực hành của học sinh.
Yêu cầu cần đạt	Nội dung
– Bước đầu thể hiện được yếu tố thẩm mỹ của công trình, di sản kiến trúc thông qua sản phẩm. <i>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</i> –Phân tích, thảo luận về giá trị thẩm mỹ và công năng của công trình, di sản kiến trúc trong trưng bày, đánh giá. –Nhận định được vai trò của bảo tồn di sản kiến trúc trong giáo dục thẩm mỹ và phát triển nghệ thuật truyền thống.	<i>Định hướng chủ đề:</i> Tự chọn.

CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP	
Yêu cầu cần đạt	Nội dung
Chuyên đề 12.1: THỰC HÀNH VẼ HÌNH HOẠ 3	

<i>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</i> – Hiểu được đặc điểm, cấu trúc cơ bản của tượng chân dung. – Xác định nguồn sáng và vị trí quan sát mẫu để thực hành. <i>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</i> – Tiến hành được các bước thực hiện bài vẽ tượng chân dung. – Sắp xếp được bố cục trên khổ giấy. – Thể hiện được cấu trúc, diễn tả khối trong không gian bằng chất liệu chì hoặc than. <i>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</i> – Phân tích được mối quan hệ giữa ánh sáng, hình và khối trong	<i>Yếu tố và nguyên lí tạo hình</i> Lựa chọn, kết hợp: <i>Yếu tố tạo hình</i> –Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian. <i>Nguyên lí tạo hình</i> –Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà. <i>Hoạt động thực hành và thảo luận</i> <i>Thực hành</i> – Vẽ nghiên cứu tượng chân dung bằng chất liệu chì
---	---

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
không gian.	hoặc than.
– Đánh giá được bố cục, hình, khối, không gian ở sản phẩm.	<i>Thảo luận</i>
	– Trao đổi về hình hoạ: Tượng chân dung.
Chuyên đề 12.2: THỰC HÀNH VẼ TRANG TRÍ 3	

<i>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</i> – Nhận biết được đặc điểm của trang trí đường diềm. – Lựa chọn được hoạ tiết, chất liệu để thực hành. <i>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</i> – Sử dụng được chất liệu màu bột hoặc màu nước, chất liệu tương đương để thực hành, sáng tạo. – Sắp xếp được các hoạ tiết trong trang trí hình tròn dựa trên các yếu tố và nguyên lý tạo hình. – Tạo được hoà sắc trong trang trí đường diềm. <i>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</i> – Trao đổi, phân tích về trang trí đường diềm. – Liên hệ được ứng dụng của trang trí đường diềm trong đời sống.	<i>Yếu tố và nguyên lý tạo hình</i> Lựa chọn, kết hợp: <i>Yếu tố tạo hình</i> –Châm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian. <i>Nguyên lý tạo hình</i> –Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà. <i>Hoạt động thực hành và thảo luận</i> <i>Thực hành</i> – Trang trí đường diềm. <i>Thảo luận</i> – Trao đổi về trang trí đường diềm – Sản phẩm thực hành của học sinh.
Chuyên đề 12.3: THỰC HÀNH VẼ TRANH BỐ CỤC 3	
<i>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</i>	<i>Yếu tố và nguyên lý tạo hình</i>

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
– Nhận biết được đặc điểm tranh bố cục từ những hình khối cơ bản. – Lựa chọn được chủ đề, chất liệu để thực hành. Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ: – Sử dụng được chất liệu màu bột (hoặc màu nước, hoặc chất liệu tương đương) để thực hành, sáng tạo. – Bước đầu thể hiện được ý tưởng chủ đề thông qua sắp xếp hình khối ở tranh bố cục. – Thể hiện được hoà sắc cho tranh bố cục bằng chất liệu màu bột (hoặc màu nước, hoặc chất liệu tương đương). – Bước đầu thể hiện được đặc điểm của chất liệu màu bột (hoặc màu nước, chất liệu tương đương) trong thực hành, sáng tạo. Phân tích và đánh giá thẩm mỹ: – Trao đổi, phân tích về tranh bố cục từ những hình khối cơ bản.	Lựa chọn, kết hợp: <i>Yếu tố tạo hình</i> – Châm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian. <i>Nguyên lí tạo hình</i> – Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà. Hoạt động thực hành và thảo luận <i>Thực hành</i> – Vẽ tranh bố cục từ những hình khối cơ bản bằng chất liệu màu bột (hoặc màu nước, hoặc chất liệu tương đương). <i>Thảo luận</i> – Tranh bố cục hình khối cơ bản. – Sản phẩm thực hành của học sinh. Định hướng chủ đề: Tự chọn.

VI. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

1. Định hướng chung

Phương pháp giáo dục trong Chương trình môn Mỹ thuật phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của người học, trong đó nhấn mạnh những yêu cầu sau:

- a) Tích hợp, lồng ghép nội dung lí thuyết trong thực hành, thảo luận; kết hợp liên hệ kiến thức, kĩ năng của môn Mỹ thuật với kiến thức, kĩ năng của các môn học, hoạt động giáo dục khác một cách phù hợp, thiết thực.
 - b) Chú trọng dạy học trải nghiệm; vận dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học và các hình thức tổ chức, không gian hoạt động học tập nhằm huy động kiến thức, kinh nghiệm,66 kích thích trí tưởng tượng, tư duy hình ảnh thẩm mỹ của học sinh, tạo cơ hội để học sinh được vận dụng kiến thức, kĩ năng vào thực hành, thể nghiệm ý tưởng sáng tạo và đưa các sản phẩm sáng tạo vào đời sống.
 - c) Khai thác, sử dụng hợp lí thiết bị dạy học, mạng Internet; tận dụng các chất liệu, vật liệu sẵn có ở địa phương.
- 2. Định hướng về phương pháp hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung**
- a) Phương pháp hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu

Thông qua việc tổ chức các hoạt động thảo luận, thực hành, trải nghiệm, sáng tạo, giáo viên giúp học sinh nuôi dưỡng cảm xúc thẩm mỹ về bản thân và thế giới xung quanh, tình yêu nghệ thuật và cuộc sống; góp phần nâng cao nhận thức về tình yêu gia đình, quê hương, tình thân ái giữa con người với con người, ý thức bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên và không gian văn hóa, thẩm mỹ; trân trọng các sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật và sự sáng tạo của nghệ sĩ; bồi dưỡng niềm tự hào về truyền thống văn hóa, nghệ thuật dân tộc, ý thức tôn trọng sự đa dạng về văn hóa của các dân tộc. Đồng thời, rèn luyện cho học sinh đức chuyên cần, tính trung thực, tình yêu lao động và ý thức trách nhiệm của bản thân trong học tập, làm việc và sử dụng, bảo quản các đồ dùng, công cụ, thiết bị dạy học; kích thích hứng thú, khích lệ sự tự tin ở học sinh trong học tập và tham gia các hoạt động nghệ thuật, góp phần xây dựng và phát triển đời sống thẩm mỹ của cá nhân, cộng đồng.

b) Phương pháp hình thành, phát triển các năng lực chung

– Trong dạy học môn Mỹ thuật, giáo viên tổ chức các hoạt động học tập, thực hành, trải nghiệm, sáng tạo đa dạng với sự tham gia tích cực, chủ động của học sinh. Đặc biệt, cần khích lệ học sinh sẵn sàng cho việc thực hành, sáng tạo và thảo luận nghệ thuật thông qua việc chuẩn bị, xác lập mục tiêu học tập, thiết kế nội dung, kế hoạch, dự án học tập,... và thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ học tập của cá nhân, của nhóm, góp phần nâng cao năng lực tự chủ và tự học ở học sinh.

Dạy học Mỹ thuật có nhiều ưu thế hình thành và phát triển ở học sinh năng lực giao tiếp và hợp tác. Thông qua các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học kết hợp lồng ghép thảo luận và thực hành nghệ thuật, học sinh được thường xuyên tham gia trao đổi, chia sẻ về tác giả, nghệ sĩ, về tác phẩm, sản phẩm mỹ thuật, di sản văn hóa nghệ thuật; giới thiệu kết quả học tập, thực hành của cá nhân, bạn bè; bày tỏ cảm nhận, suy nghĩ, quan điểm về thẩm mỹ,... tạo nên kết quả học tập của nhóm dựa trên những cách thức hợp tác khác nhau.

– Giải quyết vấn đề và sáng tạo là đặc trưng trong học tập mỹ thuật. Trong tổ chức hoạt động dạy học, giáo viên vận dụng các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học thích hợp, giúp học sinh có cơ hội vận dụng kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm của bản thân để tìm hiểu, khám phá và thực hành, trải nghiệm, phát hiện yếu tố thẩm mỹ trong nghệ thuật và đời sống; khích lệ học sinh đề xuất vấn đề, ý tưởng thẩm mỹ và lựa chọn giải pháp thể hiện; khuyến khích học sinh tiếp tục đổi mới trong tiến trình học tập trên cơ sở nhận thức và tư duy phản biện thẩm mỹ, góp phần hình thành, phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo ở học sinh.

3. Định hướng về phương pháp hình thành, phát triển năng lực mỹ thuật

a) Để hình thành, phát triển hoạt động quan sát và nhận thức thẩm mỹ ở học sinh, trong tổ chức dạy học, giáo viên khuyến khích và tạo cơ hội để học sinh được quan sát, nhận thức về đối tượng thẩm mỹ từ bao quát, tổng thể đến chi tiết, bộ phận và đối chiếu, so sánh để tìm ra đặc điểm, vẻ đẹp của đối tượng, phát hiện các giá trị thẩm mỹ của đối tượng. Tùy theo nội dung, mục đích dạy học và tâm lý lứa tuổi, khả năng nhận thức của học sinh, giáo viên đặt ra yêu cầu quan sát một cách phù hợp, nhằm thúc đẩy, phát triển ở học sinh ý thức tìm tòi, khám phá cuộc sống, môi trường xung quanh và thưởng thức nghệ thuật. Quan sát, nhận thức thẩm mỹ cần được kết hợp, lồng ghép trong hoạt động thực hành sáng tạo, thảo luận, phân tích, đánh giá thẩm mỹ của tiến trình dạy học và liên hệ, ứng dụng thực tiễn.

b) Để hình thành, phát triển hoạt động sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ ở học sinh, trong tổ chức dạy học, giáo viên vận dụng các yếu tố kích thích khả năng thực hành, sáng tạo của học sinh bằng những cách thức khác nhau; khuyến khích học sinh thử nghiệm và đổi mới, kích thích tư duy, khả năng giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề và liên hệ, ứng dụng thực tiễn.

Đồng thời, cần có những hướng dẫn cụ thể để học sinh chủ động chuẩn bị, sẵn sàng học tập, sáng tạo nhằm tăng cường ý thức trách nhiệm, thúc đẩy sự hứng khởi ở học sinh. Khi sử dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học, giáo viên cần tích hợp, lồng ghép hoạt động thực hành, sáng tạo, ứng dụng thẩm mỹ với thảo luận, cũng như kết hợp quan sát, nhận thức và phân tích, đánh giá thẩm mỹ trong tiến trình dạy học.

c) Để hình thành, phát triển hoạt động phân tích và đánh giá thẩm mỹ ở học sinh, trong tổ chức dạy học, giáo viên khích lệ học sinh tích cực tham gia hoạt động học tập; vận dụng đa dạng các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, tạo điều kiện để học sinh được tiếp cận và khám phá nghệ thuật bằng nhiều cách khác nhau; kết hợp liên hệ truyền thống văn hóa, bối cảnh xã hội và khai thác thiết bị công nghệ, nguồn Internet; quan tâm đến sự khác biệt về giới tính, đa dạng sắc tộc, đặc điểm văn hoá vùng miền và tính thời đại. Các yếu tố này cần được cân nhắc, phù hợp với đặc điểm tâm - sinh lí lứa tuổi học sinh và điều kiện dạy học thực tế; đồng thời, cần chú ý đến mối liên hệ và tương tác giữa các thành phần năng lực khác của năng lực mỹ thuật trong tiến trình dạy học.

VII. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

1. Định hướng chung

Mục tiêu đánh giá kết quả giáo dục môn Mỹ thuật là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt phẩm chất, năng lực và sự tiến bộ của từng học sinh; giúp học sinh tự đánh giá sự tiến bộ của bản thân và tự điều chỉnh hoạt động học tập; giúp giáo viên biết được những tiến bộ và hạn chế của học sinh, từ đó có hướng dẫn kịp thời cho học sinh và điều chỉnh kế hoạch, hoạt động dạy học một cách phù hợp; giúp nhà quản lí hiểu rõ chất lượng giáo dục, làm căn cứ để có những điều chỉnh và nâng cao chất lượng giáo dục; giúp cha mẹ học sinh hiểu rõ những tiến bộ của con và có những biện pháp, phối hợp giáo dục với nhà trường. Đối tượng đánh giá là sản phẩm và quá trình học tập, rèn luyện của học sinh.

Đánh giá cần bảo đảm các yêu cầu sau:

- Phù hợp với mục tiêu giáo dục và yêu cầu cần đạt đối với mỗi lớp học, cấp học; coi trọng đánh giá khả năng vận dụng kiến thức, kĩ năng của học sinh trong học tập và những tình huống khác nhau.
- Đánh giá phẩm chất của học sinh trong giáo dục Mỹ thuật chủ yếu bằng định tính, thông qua quan sát, ghi chép, nhận xét bằng lời về thái độ, tình cảm, hành vi ứng xử của học sinh khi tham gia các hoạt động mỹ thuật.
- Đánh giá năng lực đặc thù của môn học chủ yếu bằng định lượng, thông qua đánh giá các thành phần của năng lực thẩm mỹ; chú ý đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh.
- Sử dụng công cụ đánh giá tin cậy, đảm bảo toàn diện, khách quan, chính xác và phân hoá; kết hợp, vận dụng linh hoạt các phương pháp và hình thức đánh giá, bao gồm việc học sinh tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng; quan tâm đến những học sinh có sự khác biệt so với các học sinh khác về tâm lí, sở thích, về khả năng và điều kiện tối thiểu học tập; thông tin kịp thời

về thời điểm đánh giá, hình thức đánh giá, công cụ đánh giá để học sinh chủ động tham gia quá trình đánh giá. - Kết hợp hài hoà giữa đánh giá thường xuyên (quá trình) và đánh giá tổng kết (định kì); trong đó, đánh giá thường xuyên được thực hiện trong toàn bộ tiến trình dạy học và tích hợp trong các hoạt động dạy học; đánh giá tổng kết được thực hiện ở thời điểm gần hoặc cuối một giai đoạn học tập (cuối học kì, cuối năm học, cuối cấp học).

2. Hình thức đánh giá

- a) Đánh giá chẩn đoán: Sử dụng vào thời điểm đầu của một giai đoạn dạy học, nhằm giúp giáo viên thu thập những thông tin về kiến thức, kĩ năng kĩ thuật, những điểm mạnh và nhu cầu của từng học sinh, từ đó xây dựng kế hoạch và phương pháp giáo dục thích hợp.
- b) Đánh giá kết quả, bao gồm đánh giá thường xuyên và đánh giá tổng kết.

Đánh giá thường xuyên căn cứ vào việc học sinh chuẩn bị đồ dùng, công cụ, vật liệu,... trả lời câu hỏi, phát biểu ý kiến, thảo luận, chia sẻ, thuyết trình, bài viết, kết quả thực hành, thực hiện trưng bày, tham gia nhận xét, đánh giá,... trong quá trình học tập. Đánh giá thường xuyên có sự tham gia của các chủ thể khác nhau: giáo viên đánh giá học sinh, học sinh đánh giá đồng đẳng, học sinh tự đánh giá.

Đánh giá tổng kết căn cứ vào các sản phẩm thực hành, kết quả dự án học tập, video clip, bài tự luận,...

- c) Đánh giá định tính và đánh giá định lượng: Đánh giá định tính được thực hiện chủ yếu ở cấp tiểu học; đánh giá định lượng được sử dụng chủ yếu ở cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông, bảo đảm phân hoá dần ở các lớp học trên.

VIII. GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Giải thích thuật ngữ

Các thuật ngữ dùng trong văn bản chương trình môn Mỹ thuật được hiểu theo nghĩa dưới đây:

a) Một số thuật ngữ mỹ thuật

Thuật ngữ	Giải thích
Cân bằng	Là tạo sự hợp lí cho cảm nhận của thị giác, gồm hai loại phổ biến: cân bằng đối xứng, cân bằng bất đối xứng.
Chấm	Là đơn vị đầu tiên của ngôn ngữ tạo hình, làm mốc để tạo nét, hình, khối hoặc tự bản thân đứng độc lập tạo ra các đặc tính riêng.
Chất cảm	Là cảm giác cấu trúc bề mặt của chất liệu tạo hình, ví dụ: sự mềm, mịn, thô ráp,...
Chuyển động	Là sự sắp xếp các yếu tố, nguyên lí tạo hình để tạo các hướng khác nhau ở đối tượng nghệ thuật hoặc tạo sự di chuyển của thị giác trên đối tượng nghệ thuật.
Đậm nhạt	Là chỉ số thể hiện mức độ sáng hay tối của màu sắc hoặc sự chuyển biến của ánh sáng và bóng tối trên đối tượng.
Nhấn mạnh (Điểm nhấn)	Là một yếu tố hoặc phần của tác phẩm, sản phẩm nghệ thuật thu hút thị giác ở đối tượng nghệ thuật.
Hài hoà	Là sự sắp xếp các yếu tố tạo hình, nguyên lí tạo hình một cách hợp lí trong một tổng thể chung trên đối tượng thẩm mĩ.
Hình	Là hiệu quả thụ cảm thị giác đối với vật thể trong không gian do tác động của ánh sáng; hoặc được tạo bởi các yếu tố tạo hình với những nét khu biệt trên mặt phẳng hay đường nét chu vi của các diện được khép kín trong không gian.
Khối	Là biểu hiện thể tích trên mặt phẳng, trong không gian thực, được tạo bởi các diện mảng của vật thể chiếm một vị trí nhất định.

Không gian	Là khoảng cách có thể đo được giữa các điểm hoặc hình ảnh, khoảng trống xung quanh một tác phẩm, sản
------------	--

Thuật ngữ	Giải thích
	phẩm, hay một hình, một yếu tố nào đó ở đối tượng của nghệ thuật.
Lắp lại	Là sự sắp xếp, bố trí các hình, nét, màu sắc,... nhắc lại trên cùng một đối tượng thẩm mỹ; hoặc là sự mô phỏng lại đối tượng.
Màu thứ cấp	Là màu được tạo ra từ màu cơ bản.
Nét	Là đường tạo thành do sự dịch chuyển của một điểm hoặc chấm, gồm nhiều loại: thẳng, cong, xiên, gấp khúc,... Nét còn gọi là đường viền hay đường chu vi, là ranh giới giữa vật này với vật khác hay giữa một vật với không gian xung quanh.
Nhịp điệu	Là sự nhắc lại một cách có chủ đích (đều, nhanh - chậm, dày đặc - thưa thớt,...) các hình dạng, hình khối, màu sắc,... trên đối tượng nghệ thuật.
Sản phẩm	Là bài vẽ, bức tranh, hình thể, vật thể,... được tạo ra trong quá trình thực hành, sáng tạo của học sinh.
Sản phẩm thủ công	Là sản phẩm được tạo nên bởi cá nhân hoặc tập thể người lao động, nghệ nhân, nghệ sĩ,... có tính phổ biến, được xã hội công nhận.
Tác phẩm	Là sản phẩm mỹ thuật của một cá nhân hoặc một nhóm nghệ sĩ mang phong cách và dấu ấn riêng, được xã hội công nhận.
Thảo luận mỹ thuật	Là sự trao đổi, chia sẻ, phân tích, giải thích, phản biện, đánh giá,... thẩm mỹ thông qua hình thức học tập tương tác giữa học sinh với học sinh, học sinh với giáo viên,...

Thẩm mỹ	Là phạm trù triết học đề cập đến bản chất, giá trị của nghệ thuật và hình thức cảm nhận giác quan về cái đẹp.
Thủ công	Là những thao tác tạo hình đòi hỏi kĩ năng làm hoặc tạo tác phẩm, sản phẩm bằng tay mang công năng sử dụng.
Thuật ngữ	Giải thích
Tỉ lệ	Là mối quan hệ so sánh giữa hai hay nhiều yếu tố trong một thành phần liên quan đến kích thước, màu sắc, số lượng, sắp xếp, sắc độ,...
Tương phản	Là sự đối lập của các đối tượng liên quan khác nhau ở cạnh nhau, ví dụ: màu nóng, màu lạnh; nét thẳng, nét cong,...
Vật liệu	Là đồ dùng, đồ vật được sưu tầm, tái sử dụng hoặc sẵn có trong tự nhiên, như: giấy báo, giấy bìa, vỏ hộp, chai nhựa, vải vụn, sợi dây len, cọng rơm, lá cây,...
2D, 3D	Là tác phẩm, sản phẩm mỹ thuật được tạo ra trên mặt phẳng hai chiều hoặc trong không gian ba chiều.

b) Từ ngữ thể hiện mức độ cần đạt

Chương trình môn Mỹ thuật sử dụng một số động từ để thể hiện mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về năng lực của học sinh. Một số động từ được sử dụng ở các mức độ khác nhau nhưng trong mỗi trường hợp thể hiện một hành động có đối tượng và yêu cầu cụ thể. Trong bảng tổng hợp dưới đây, đối tượng, yêu cầu cụ thể của mỗi hành động được chỉ dẫn bằng các từ ngữ khác nhau đặt trong ngoặc đơn.

Trong quá trình dạy học, đặc biệt là khi đặt câu hỏi thảo luận và thực hành, ra đề kiểm tra đánh giá, giáo viên có thể dùng những động từ nêu trong bảng tổng hợp hoặc thay thế bằng các động từ có nghĩa tương đương cho phù hợp với tình huống sư phạm và nhiệm vụ cụ thể giao cho học sinh.

Mức độ	Động từ mô tả mức độ
<i>Biết</i>	Nhận biết được (yếu tố tạo hình, nguyên lí tạo hình, đặc điểm,...), đọc được tên (màu sắc, tác giả, sản phẩm, tác phẩm, trường phái,...), liệt kê được (đồ dùng, công cụ, vật liệu, ngành nghề,...), nêu được (yếu tố đặc trưng, ý tưởng, giải pháp,...), xác định được (chủ đề, mục đích, đối tượng,...),...
<i>Hiểu</i>	Trình bày được (cảm nhận, sự liên hệ, quan điểm,...), biểu đạt được (cảm xúc, ý tưởng, nội dung,...), giới thiệu được (tác giả, sản phẩm, tác phẩm,...), tóm tắt được (giá trị nghệ thuật, cuộc đời, sự nghiệp,...), giải thích được (sắp xếp bố cục, tính phổ biến, địa điểm,...), phân tích được (vẻ đẹp, mối quan hệ giữa tính thẩm mĩ và tính ứng dụng, nhu cầu xã hội,...), phân loại được (thể loại, hình thức), phân biệt được (tranh vẽ, tranh in, một số chất liệu,...), đánh giá được (sản phẩm, hoạt động thực hành, thảo luận, mối quan hệ giữa tính thẩm mĩ và tính ứng dụng,...), nhận định được (giá trị thẩm mĩ, tiến trình phát triển, sự tác động của internet),...
<i>Vận dụng</i>	Mô phỏng được (đối tượng thẩm mĩ), phác thảo được (ý tưởng), lựa chọn được (công cụ, vật liệu, chất liệu, hình thức thực hành, vị trí trưng bày,...), sử dụng được (vật liệu, công cụ, phương tiện,...), thực hiện được (thao tác, các bước thực hành, phác thảo,...), vận dụng được (yếu tố tạo hình, nguyên lí tạo hình, yếu tố văn hóa nghệ thuật, nhịp điệu của hoa văn,...), phối hợp được (kỹ năng, vật liệu, công cụ, phương tiện,...), thể hiện được (ý tưởng, đặc trưng, cấu trúc, mục đích,...), tạo được (sản phẩm, sự hài hòa, hòa sắc,...),...

2. Thời lượng thực hiện chương trình

1. Thời lượng thực hiện chương trình ở các lớp (theo số tiết học)

Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
35	35	35	35	35	35	35	35	35	70	70	70
Nội dung	Thời lượng										

Riêng ở cấp trung học phổ thông, mỗi lớp có thêm các chuyên đề học tập lựa chọn, thời lượng 35 tiết/năm học.

2.2. Thời lượng dành cho các nội dung giáo dục

Thời lượng dành cho các nội dung giáo dục do tác giả sách giáo khoa và giáo viên chủ động sắp xếp căn cứ vào yêu cầu cần đạt và thực tế dạy học. Tỷ lệ % thời lượng dành cho các nội dung giáo dục như sau:

a) Cấp tiểu học và cấp trung học cơ sở

CẤP TIỂU HỌC	
Mĩ thuật tạo hình	60%
Mĩ thuật ứng dụng	30%
Đánh giá định kì	10%
CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ	
LỚP 6, LỚP 7	
Mĩ thuật tạo hình	50%
Mĩ thuật ứng dụng	40%
Chủ đề hướng nghiệp	0%
Đánh giá định kì	10%
LỚP 8, LỚP 9	
Mĩ thuật tạo hình	40%
Mĩ thuật ứng dụng	40%
Chủ đề hướng nghiệp	10%
Đánh giá định kì	10%

b) Cấp trung học phổ thông - Thời lượng dành cho các nội dung lựa chọn:

Nội dung	Thời lượng
Lí luận và lịch sử mỹ thuật	22%
Hội họa	22%
Đồ họa (tranh in)	22%
Điêu khắc	22%
Thiết kế công nghiệp	22%
Thiết kế đồ họa	22%
Thiết kế thời trang	22%
Thiết kế mỹ thuật sân khấu, điện ảnh	22%
Thiết kế mỹ thuật đa phương tiện	22%
Kiến trúc	22%

Đánh giá định kì	12%
– Thời lượng (số tiết) dành cho mỗi chuyên đề (bao gồm cả đánh giá) được phân bố như sau:	
Chuyên đề học tập	Thời lượng (số tiết)
Chuyên đề 10.1: Thực hành vẽ hình họa 1	15
Chuyên đề 10.2: Thực hành vẽ trang trí 1	10
Chuyên đề 10.3: Thực hành vẽ tranh bố cục 1	10
Chuyên đề 11.1: Thực hành vẽ hình họa 2	15
Chuyên đề 11.2: Thực hành vẽ trang trí 2	10
Chuyên đề 11.3: Thực hành vẽ tranh bố cục 2	10
Chuyên đề 12.1: Thực hành vẽ hình họa 3	15
Chuyên đề 12.2: Thực hành vẽ trang trí 3	10
Chuyên đề 12.3: Thực hành vẽ tranh bố cục 3	10

3. Định hướng về thiết bị dạy học

a) Phòng học bộ môn

- Nhà trường có phòng dành riêng cho hoạt động dạy học Mỹ thuật, đặc biệt ở giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp. Vị trí phòng học mỹ thuật cần tương đối độc lập với các phòng học khác trong nhà trường.
- Trang thiết bị trong phòng học:
 - + Bàn ghế học sinh phù hợp với việc di chuyển trong lớp học.
 - + Bảng vẽ cá nhân; dụng cụ để trưng bày sản phẩm mỹ thuật.
 - + Bục đặt mẫu vẽ có thể điều chỉnh được kích thước khi cần thiết.
 - + Giá vẽ có thể điều chỉnh kích thước phù hợp với chiều cao của từng học sinh.
 - + Tủ, giá để lưu giữ sản phẩm thực hành và các dụng cụ, công cụ học tập.
 - + Phương tiện hỗ trợ: máy tính, đèn chiếu (overhead), máy chiếu (projector),...

b) Đồ dùng dạy học: khối cơ bản, tượng chân dung phật mắng, tượng chân dung, tranh, ảnh tư liệu mỹ thuật,...

Ngoài các thiết bị dạy học tối thiểu được quy định trong danh mục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, giáo viên cần tự làm thiết bị, đồ dùng dạy học; đồng thời, nhà trường cần phối hợp, huy động sự giúp đỡ của các cá nhân, tổ chức ở địa phương để bổ sung đồ dùng dạy học phù hợp với chương trình.

4. Thực hiện chương trình phù hợp với điều kiện thực tế và đối tượng học sinh

Chương trình môn Mỹ thuật là căn cứ để biên soạn sách giáo khoa, các tài liệu hướng dẫn, chỉ đạo dạy học và đánh giá

kết quả giáo dục. Căn cứ yêu cầu cần đạt của chương trình, các nhà trường xây dựng và phát triển kế hoạch thực hiện chương trình phù hợp với đặc điểm của nhà trường, địa phương và đối tượng học sinh.

Ở giai đoạn giáo dục cơ bản, căn cứ vào điều kiện thực tế, nhà trường xây dựng thời khoá biểu luân phiên giữa các khối. Ở giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp, nhà trường hướng dẫn học sinh lựa chọn các nội dung học tập phù hợp với sở thích ngành nghề và khả năng của bản thân; các hướng lựa chọn có thể tập trung khám phá, tìm hiểu ngành nghề liên quan đến mỹ thuật tạo hình, liên quan đến mỹ thuật ứng dụng hoặc kết hợp lựa chọn tìm hiểu ngành nghề vừa liên quan đến mỹ thuật tạo hình, vừa liên quan đến mỹ thuật ứng dụng; đồng thời, nhà trường cần xây dựng thời khoá biểu thuận lợi cho việc tổ chức hoạt động dạy học phù hợp với đặc thù môn học lấy hoạt động thực hành, sáng tạo làm trọng tâm.

Đối với học sinh có năng khiếu mỹ thuật, giáo viên chú trọng dạy các nội dung thực hành, sáng tạo đa dạng theo mức độ nâng cao dần; khích lệ học sinh tham gia các phong trào, các hình thức hoạt động mỹ thuật trong và ngoài nhà trường phù hợp với khả năng; đồng thời, tư vấn, phối hợp với gia đình tạo cơ hội để học sinh phát triển năng khiếu nghệ thuật theo sở thích và thiên hướng của bản thân.

Đối với học sinh có thể trạng đặc biệt, căn cứ vào yêu cầu cần đạt của chương trình, nhà trường, giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục, vận dụng các phương pháp dạy học phù hợp với tâm - sinh lý lứa tuổi và khả năng nhận thức, vận động của học sinh, giúp học sinh có những hiểu biết thiết yếu về mỹ thuật trên cơ sở nội dung thực hành, sáng tạo ở mức độ đơn giản; đồng thời, phối hợp với gia đình, giúp học sinh từng bước nâng cao thể trạng của bản thân và phát triển học tập, hòa nhập vào đời sống.

Đối với học sinh vùng khó khăn, nhà trường, giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế, giúp học sinh có hiểu biết cần thiết về mỹ thuật thông qua các nội dung thực hành, sáng tạo ở mức độ đơn giản, kết hợp với hoạt động trải nghiệm gắn với đời sống thực tiễn; đồng thời, khuyến khích, động viên học sinh nỗ lực học tập, tham gia các hoạt động mỹ thuật phù hợp với bản thân.